

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HÀ KHÁNH

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ: CHỢ CẦU BƯƠU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TẢ THANH OAI VÀ XÃ HỮU HÒA,
HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HÀ NỘI, THÁNG 5 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HÀ KHÁNH

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ: CHỢ CẦU BƯƠU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TẢ THANH OAI VÀ XÃ HỮU HÒA,
HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HÀ KHÁNH



[Signature]
TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Quang Minh

HÀ NỘI, THÁNG 5 NĂM 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	3
1. Tên chủ cơ sở.....	3
2. Tên cơ sở	3
2.1. Tên cơ sở	3
2.2. Địa điểm cơ sở.....	3
2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở	4
2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần.....	5
2.5. Quy mô của Cơ sở	5
2.6. Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính Phủ	5
2.7. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.....	5
2.8. Phân nhóm dự án đầu tư	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	10
3.3. Sản phẩm của cơ sở	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	13
4.1. Nhu cầu về nguyên liệu	13
4.2. Nhu cầu về hóa chất	13
4.3. Nhu cầu về điện, nước	13
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	21
5.1. Tổng vốn đầu tư của cơ sở.....	21
5.2. Tổ chức, bộ máy quản lý và vận hành các công trình bảo vệ môi trường	22
5.3. Khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.....	22
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	23

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	23
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	24
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	26
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và nước thải xử lý.....	26
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	26
1.2. Thu gom, thoát nước thải	27
1.3. Xử lý nước thải	30
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	42
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	43
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	46
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	47
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	48
6.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình hoạt động	48
6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải.....	52
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	54
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	55
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	60
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	60
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	61
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	61
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	62
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	62
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	62
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải	66
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	67
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	68
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	69
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	69
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	69
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	69

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	69
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	69
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	70
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	70
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	70
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	72
PHỤ LỤC BÁO CÁO	73

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ý nghĩa
ND-CP	Nghị định Chính phủ
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	Bộ Y tế
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
STNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường
TT	Thông tư
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Bảng tọa độ vị trí của dự án	3
Bảng 1.2. Danh sách ngành hàng và phương án bố trí, sắp xếp tại chợ Cầu Bươu	12
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất	13
Bảng 1. 4: Nhu cầu sử dụng điện hiện tại của cơ sở	14
Bảng 1. 5. Thông tin về giếng khoan của cơ sở	14
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước theo báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	14
Bảng 1.7. Nhu cầu dùng nước của cơ sở khi hoạt động 100% công suất thay đổi so với nội dung ĐTM đã được phê duyệt	15
Bảng 1. 8. Lưu lượng nước sử dụng tại cơ sở theo nhật ký khai thác.....	16
Bảng 1.9. Kết quả phân tích mẫu nước ngầm trước xử lý ngày 18/11/2024	18
Bảng 1. 10. Kết quả phân tích mẫu nước sau xử lý ngày 18/11/2024.....	19
Bảng 1.11. Lưu lượng nước thải phát sinh của cơ sở theo nhật ký vận hành	20
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	26
Bảng 3. 1. Thống kê khối lượng hệ thống thu gom thoát nước mưa	27
Bảng 3. 2. Thống kê khối lượng hệ thống thu gom thoát nước thải	29
Bảng 3. 3. Thông số bể tự hoại 3 ngăn	32
Bảng 3. 4. Các thông số kỹ thuật của công trình trạm xử lý nước thải	35
Bảng 3. 5. Danh mục các thiết bị sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải	36
Bảng 3. 6. Khối lượng hóa chất sử dụng thực tế trong xử lý nước thải tại cơ sở	38
Bảng 3. 7. Định mức tiêu hao năng lượng của hệ thống xử lý nước thải	38
Bảng 3. 8: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	47
Bảng 3. 9. Một số sự cố thường gặp và biện pháp khắc phục liên quan đến máy móc thiết bị	49
Bảng 3. 10. Một số sự cố thông thường của các bể trong trạm xử lý nước thải	50
Bảng 3. 11: Các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với quyết định phê duyệt ĐTM	56
Bảng 4. 1. Bảng tổng hợp giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt ..	60
Bảng 4. 2. Bảng tổng hợp giá trị giới hạn của tiếng ồn.....	61
Bảng 4. 3. Bảng tổng hợp giá trị giới hạn của độ rung	61
Bảng 5.1. Lưu lượng nước thải của cơ sở năm 2024 và 2025.....	63
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2023	64
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc nước thải năm 2024	64
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc môi trường không khí năm 2023	66
Bảng 5.5. Khối lượng chất thải rắn phát sinh từ quý I năm 2024 đến hết quý I/2025 ..	67
Bảng 6.1. Vị trí, chỉ tiêu quan trắc môi trường định kỳ	70
Bảng 6.2. Đơn giá và Dự trù kinh phí quan trắc môi trường	70

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí của cơ sở	4
Hình 1. 2. Một số hình ảnh hiện trạng tại cơ sở	10
Hình 1. 3. Sơ đồ hoạt động của chợ	11
Hình 1. 4. Hệ thống lọc nước giếng khoan của cơ sở	17
Hình 1. 5. Sơ đồ nguyên lý công nghệ xử lý nước dưới đất.....	17
Hình 1. 6. Sơ đồ cân bằng nước giai đoạn hoạt động của cơ sở	21
Hình 1. 7. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý, vận hành của cơ sở	22
Hình 3. 2. Hình ảnh hệ thống thoát nước mưa của cơ sở	27
Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom nước thải của chợ Cầu Brou	28
Hình 3. 4. Hình ảnh thoát nước thải của chợ Cầu Brou	30
Hình 3. 5. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn thể tích 3m ³ của cơ sở	31
Hình 3. 6. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn thể tích 15m ³ của cơ sở	31
Hình 3. 8. Một số hình ảnh các bể xử lý của trạm xử lý nước thải tại cơ sở.....	42
Hình 3.9. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải rửa hệ thống lọc nước giếng khoan	42
Hình 3. 10. Sơ đồ thu gom rác thải tại cơ sở	45
Hình 3. 11. Hình ảnh khu tập kết CTR sinh hoạt tại cơ sở	45
Hình 3. 12. Một số thiết bị PCCC tại cơ sở	53

MỞ ĐẦU

Chợ Cầu Bươu là chợ loại I được quy hoạch, thiết kế và xây dựng quy củ, phù hợp với văn hóa kinh doanh, mua bán của người dân địa phương, là một trong những chợ quan trọng nằm trên địa bàn huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Với vị trí thuận lợi gần các trục giao thông chính như đường Phan Trọng Tuệ và Quốc lộ 70, chợ đóng vai trò là đầu mối giao thương, mua bán hàng hóa cho người dân trong khu vực các xã Tả Thanh Oai, xã Hữu Hoà, huyện Thanh Trì và các vùng lân cận.

Ngày 14/10/2008, UBND huyện Thanh Trì đã có quyết định số 471/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án Đầu tư kinh doanh khai thác Chợ Cầu Bươu, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì đã lựa chọn Công ty cổ phần Xây dựng Hà Khánh là chủ đầu tư dự án.

Ngày 6/5/2013, Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Khánh đã có quyết định số 23/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Chợ Cầu Bươu, huyện Thanh Trì với quy mô chợ Cầu Bươu bao gồm các công trình chính: nhà chợ chính 2 tầng diện tích xây dựng 2154,8m², khu chợ ngoài trời có mái che 2000m², ki ốt bán hàng 1 tầng diện tích xây dựng 535m², nhà kho, sơ chế diện tích xây dựng 368,6m², nhà quản lý chợ 1 tầng diện tích xây dựng 154,4m² và các hạng mục công trình phụ trợ khác. Quy mô chợ cho khoảng 697 hộ kinh doanh.

Ngày 17/3/2014, UBND thành phố Hà Nội đã có quyết định số 1464/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư kinh doanh khai thác Chợ Cầu Bươu. Địa điểm: xã Tả Thanh Oai và xã Hữu Hoà, huyện Thanh Trì.

Tuy nhiên, căn cứ theo giấy phép xây dựng số 25/GPXD-UBND ngày 11/02/2015 và giấy phép xây dựng số 512/GPXD-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Thanh Trì cấp cho Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh được phép xây dựng các công trình thuộc dự án chợ Cầu Bươu thì quy mô xây dựng dự án như sau:

- + Nhà chợ chính (01 tầng): diện tích xây dựng 1.810,7m²
- + Khối kiốt 9A (02 tầng và 01 tầng lửng): diện tích xây dựng 2.682m²
- + Khối kiốt 9B (02 tầng và 01 tầng lửng): diện tích xây dựng 809m²
- + Khối kiốt 9C (02 tầng và 01 tầng lửng): diện tích xây dựng 345m²
- + Khu chợ ngoài trời có mái che diện tích 2000m²
- + Nhà kho (02 tầng): diện tích xây dựng 142m²
- + Nhà điều hành (02 tầng): diện tích xây dựng 54m²

- Do diện tích xây dựng các công trình chính giảm đi nên quy mô số hộ kinh doanh giảm từ 697 hộ xuống còn hộ 437 hộ.

Sau khi được cấp giấy phép xây dựng cơ sở đã tiến hành xây dựng cơ sở vật chất và hệ thống xử lý nước thải và đi vào hoạt động từ năm 2016. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, khó khăn về tình hình kinh tế và thu hút các tiểu thương tập trung buôn bán tại chợ, vì vậy số tiểu thương buôn bán tại chợ hiện tại chỉ khoảng 135 hộ chiếm khoảng 30% công suất của chợ.

Cơ sở đã lập hồ sơ xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp giấy phép số 284/GP-UBND ngày 29/07/2019 và cơ sở đã lập hồ sơ xin phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và đã được Sở Tài nguyên

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”
và Môi trường cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 04/GP-STNMT-TNN
ngày 19/3/2024.

Nhằm thực hiện đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở đã phối hợp với đơn vị tư vấn môi trường lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “Chợ Cầu Bươu” tại xã Tả Thanh Oai và xã Hữu Hoà, huyện Thanh Trì để trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội thẩm định và phê duyệt.

Nội dung và trình tự các bước thực hiện báo cáo được tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về môi trường và hướng dẫn của Phụ lục X- Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại Giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động (Kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính Phủ).

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HÀ KHÁNH
- Địa chỉ văn phòng: Số 64, ngõ 405 đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Đỗ Quang Minh; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 024.38619943
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100744718, đăng ký lần đầu ngày 11/6/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 22/4/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 06/5/2013 của Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Chợ Cầu Bươu, huyện Thanh Trì.

2. Tên cơ sở

2.1. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: “Chợ Cầu Bươu”(Trong phạm vi báo cáo được gọi tắt là “Cơ sở”).

2.2. Địa điểm cơ sở

- Địa điểm cơ sở : xã Tả Thanh Oai và xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
- Chợ Cầu Bươu được xây dựng trên diện tích 21.304m² trong đó :
 - + 4.231m² (ký hiệu khu A) đất giới hạn bởi các điểm từ 1 đến 7, 12 nằm trong chỉ giới đường đỏ cho Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh thuê đất hàng năm, tuyệt đối không được xây dựng công trình kể cả tường rào, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định.
 - + 17.073 m² (ký hiệu khu B) đất giới hạn bởi các điểm từ 7 đến 11, 11', 11'', 12 cho Công ty cổ phần Xây dựng Hà Khánh thuê để xây dựng chợ Cầu Bươu.
- Ranh giới khu đất được xác định như sau :
 - + Phía Đông : giáp ruộng của hộ dân
 - + Phía Bắc : giáp đường Phan Trọng Tuệ
 - + Phía Tây : giáp với khu dân cư
 - + Phía Nam : giáp ruộng, cách trường Ngô Thì Nhậm khoảng 70m.
- Tọa độ của cơ sở được xác định bởi các điểm mốc có tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 được thể hiện trong bảng dưới đây :

Bảng 1. 1. Bảng tọa độ vị trí của dự án

Tên mốc	Tọa độ mốc giới theo hệ tọa độ VN2000	
	X (m)	Y (m)
1	2318208.00	584170.97

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

2	2318188.96	584205.92
3	2318195.11	584209.23
4	2318186.19	584224.82
5	2318180.37	584221.69
6	2318127.05	584319.81
7	2318105.98	584308.46
8	2318042.91	584274.48
9	2318082.54	584200.14
10	2318043.35	584179.30
11	2318093.76	584087.55
11'	2318108.68	584098.98
11''	2318142.02	584124.54
12	2318186.32	584159.30

(Nguồn: Trích lục bản đồ tỷ lệ 1:2000 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)



Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí của cơ sở

2.3. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng : Sở Xây dựng thành phố Hà Nội.
- Giấy phép xây dựng số 25/GPXD-UBND ngày 11/02/2015 của UBND huyện Thanh Trì cấp cho Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

- Giấy phép xây dựng số 512/GPXD-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Thanh Trì cấp cho Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh.

2.4. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần

- Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND thành phố Hà Nội về Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Đầu tư kinh doanh khai thác chợ Cầu Bươu”, địa điểm: xã Tả Thanh Oai và xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội, chủ dự án: Công ty cổ phần Xây dựng Hà Khánh.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 284/GP-UBND ngày 29/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội cấp.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 04/GP-STNMT-TNN ngày 19/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp.

2.5. Quy mô của Cơ sở

Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 65.000.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn./.*) thuộc nhóm C (Căn cứ mục IV Phần C Phụ lục I Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2024 thì cơ sở thuộc loại hình chợ có tổng mức đầu tư dưới 90 tỷ đồng là dự án Nhóm C theo Luật Đầu tư công).

Cơ sở đã đi vào hoạt động trước thời điểm của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực và đã được UBND thành phố Hà Nội đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 17/3/2014. Cơ sở không thuộc dự án đầu tư xây dựng mới nhóm I, II, III theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Căn cứ theo mục 2 Điều 39 và điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Cơ sở thuộc đối tượng cấp phép của UBND thành phố Hà Nội. Căn cứ theo Quyết định số 5416/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết và quyết định thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội thì dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường).

Như vậy, Cơ sở phải lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường nộp Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, phê duyệt và cấp phép.

2.6. Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính Phủ

Cơ sở đã xây dựng và đi vào hoạt động từ năm 2016 nên không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022.

2.7. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Cơ sở là chợ hạng I là công trình dân dụng đã đi vào hoạt động từ năm 2016 và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

2.8. Phân nhóm dự án đầu tư

Cơ sở đã đi vào hoạt động trước thời điểm của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực và đã được UBND thành phố Hà Nội đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại số 1464/QĐ-UBND ngày 17/3/2014. Cơ sở không thuộc dự án đầu tư xây dựng mới nhóm I, II, III theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

3.1.1.1. Quy mô của cơ sở

Chợ Cầu Bươu được xây dựng là chợ hạng I trên tổng diện tích đất 21.304m². Công ty Cổ phần xây dựng Hà Khánh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BL868001 ngày 21/1/2014 với quy mô bao gồm:

- Diện tích đất xây dựng công trình khoảng 17.073m² thời hạn thuê đất từ ngày 28/3/2012 đến hết ngày 15/10/2059.

- Diện tích làm đường giao thông sử dụng chung (nằm trong chỉ giới đường đỏ, cho Công ty thuê đất hàng năm, tuyệt đối không được xây dựng công trình kể cả tường rào, khi nhà nước thu hồi phải bàn giao theo quy định) khoảng 4.231m².

a. Quy mô công trình và giải pháp thiết kế theo nội dung ĐTM đã phê duyệt

Quy mô cơ sở theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kèm theo quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND thành phố Hà Nội như sau:

a.1. Quy mô các hạng mục công trình chính:

- Nhà chợ chính 2 tầng +1 hầm: diện tích xây dựng 2.124,5m²
- Bãi họp chợ ngoài trời: diện tích 2.000m²
- Nhà bảo vệ 1 tầng (3 nhà): diện tích xây dựng 10,3m²
- Nhà để xe (2 nhà): diện tích xây dựng 556,6m²
- Nhà WC công cộng 1 tầng: diện tích xây dựng 10,3m²
- Nhà kho, sơ chế: diện tích xây dựng 368,6m²
- Nhà quản lý chợ 1 tầng: diện tích xây dựng 154,4m²
- Kiốt 1 tầng (5 nhà): diện tích xây dựng 535m²

Quy mô chợ đạt 697 hộ kinh doanh.

Số lượng cán bộ nhân viên quản lý chợ khoảng 26 người.

a.2. Quy mô các hạng mục công trình phụ trợ:

- Hệ thống cấp nước: do khu vực chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố nên cơ sở sẽ sử dụng nước bằng giếng khoan ngầm qua xử lý bằng hệ thống bể lọc sau đó chứa trong bể chứa nước sạch: 50m³ cấp nước trực tiếp cho các thiết bị. Xây dựng 1 bể phòng cháy chữa cháy: 100m³

- Hệ thống cấp điện: được cấp từ tuyến điện cao thế cách khu đất 150m về phía Tây Bắc. Từ đây sử dụng cáp ngầm cấp điện cho trạm biến áp 180KVA được xây trong

Ngoài ra cơ sở còn có các hạng mục phụ trợ khác: công chính, công phụ, bãi đỗ xe...

a.3. Quy mô các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: thu gom bằng rãnh B300 qua các hố ga và được xả vào mương thoát nước của khu vực nằm ở phía Bắc dự án.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

+Nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (04 bể với thể tích là $114m^3$), nước thải từ hoạt động kinh doanh được xử lý sơ bộ qua hố ga sau đó theo đường cống D600 đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất $200m^3/ngày\ đêm$ và được xả vào mương thoát nước của khu vực nằm ở phía Bắc dự án.

- Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Song chắn rác → Bể Anoxic → Bể sinh học SBRV → Bể lọc cát → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Khu tập kết chất thải: bố trí khu tập kết chất thải rắn diện tích khoảng $41m^2$ phía Tây Bắc dự án.

b. Quy mô công trình và giải pháp thiết kế thay đổi so với nội dung ĐTM đã phê duyệt

b.1. Quy mô các hạng mục công trình chính:

Căn cứ theo giấy phép xây dựng số 25/GPXD-UBND ngày 11/02/2015 và giấy phép xây dựng số 512/GPXD-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Thanh Trì cấp cho Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh được phép xây dựng các công trình thuộc dự án chợ Cầu Bươu, chi tiết các công trình được cấp phép như sau:

- Các hạng mục công trình chính:

+ Nhà chợ chính (ký hiệu số 7): tổng diện tích xây dựng $1.810,7m^2$, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng $1.736,9m^2$, cao 01 tầng. Chiều cao từ cốt nền $+0,000$ đến cốt đỉnh mái là $+7,24m$.

+ Khối kiốt 9A: diện tích xây dựng $2.682m^2$, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng $7.621,5m^2$, cao 02 tầng + 01 tầng lửng, tầng 1 cao 5m, tầng 2 cao 3,3m được bố trí làm kho chứa hàng. Chiều cao từ cốt nền $+0,000$ đến cốt đỉnh mái là $+17,5m$.

+ Khối kiốt 9B: diện tích xây dựng $809 m^2$, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng $2.266 m^2$, cao 02 tầng + 01 tầng lửng, tầng 1 cao 5m làm nơi kinh doanh, tầng 2 cao 3,3m được bố trí làm kho chứa hàng. Chiều cao từ cốt nền $+0,000$ đến cốt đỉnh mái là $+10,2m$.

+ Khối kiốt 9C: diện tích xây dựng $345 m^2$, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng $982 m^2$, cao 02 tầng + 01 tầng lửng, tầng 1 cao 5m làm nơi kinh doanh, tầng 2 cao 3,3m được bố trí làm kho chứa hàng. Chiều cao từ cốt nền $+0,000$ đến cốt đỉnh mái là $+10,2m$.

+ Bãi họp chợ ngoài trời: diện tích $1200m^2$, nền xi măng, có mái che.

+ Nhà kho (ký hiệu số 13): diện tích xây dựng $142 m^2$, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng $302m^2$, cao 02 tầng, mỗi tầng cao 3,3m. Chiều cao từ cốt nền $+0,000$ đến cốt đỉnh mái là $+8,5m$.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

+ Nhà điều hành (ký hiệu số 6): diện tích xây dựng 54 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 108 m², cao 02 tầng, mỗi tầng cao 3m. Chiều cao từ cốt nền +0,000 đến cốt đỉnh mái là +7,2m.

+ Khu vệ sinh: tổng diện tích xây dựng 65 m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 46,8 m², cao 01 tầng. Chiều cao từ cốt nền +0,000 đến cốt đỉnh mái là +5,4m.

Số lượng cán bộ nhân viên quản lý chợ khoảng 16 người.

Quy mô số hộ kinh doanh: 437 hộ kinh doanh (theo quyết định số 742/QĐ-SCT ngày 19/11/2015 của Sở Công thương phê duyệt Phương án bố trí, sắp xếp ngành hàng kinh doanh tại chợ Cầu Bươu).

b.2. Quy mô các hạng mục công trình phụ trợ:

- Hệ thống cấp nước:

+ Nguồn cấp: do khu vực chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố nên cơ sở sử dụng nước bằng 01 giếng khoan ngầm có số hiệu CB với lưu lượng khai thác 80m³/ngày đêm (Công ty Cổ phần xây dựng Hà Khánh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 04/GP-STNMT-TNN ngày 19/3/2024).

+ Cấu trúc hệ thống cấp nước: nước ngầm từ giếng khoan được bơm lên xử lý bằng hệ thống bể lọc sau đó chứa trong 1 bể chứa nước sạch thể tích 100m³ đặt ngầm gần khu vực dãy 9C (cạnh khu vực giếng khoan cấp cho sinh hoạt) và 01 bể chứa cháy thể tích: 500m³. Từ bể nước ngầm nước sạch được bơm lên 95 bể mái thể tích 1m³/bể bố trí tại mái từng kiot của từng dãy. Từ bể nước mái, nước theo ống chính, ống nhánh tự chảy đến các thiết bị dùng nước trong công trình;

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

+ Hệ thống cấp điện: được cấp từ tuyến điện cao thế do Tổng công ty Điện lực Hà Nội cung cấp cách khu đất 150m về phía Tây Bắc. Từ đây sử dụng cáp ngầm cấp điện cho trạm biến áp 180KVA được xây trong chợ. Do cơ sở đã bố trí trạm biến áp riêng hoạt động ổn định nên hiếm khi xảy ra mất điện nên cơ sở không bố trí máy phát điện.

+ Hệ thống chiếu sáng: được bố trí hệ thống đèn Led tại tất cả các lối ra vào chợ, các gian hàng, lối đi chung, khu vệ sinh đảm bảo ánh sáng giúp nhận diện rõ hàng hoá, người mua/bán và lối đi.

- Hệ thống viễn thông, liên lạc

+ Nguồn cấp: Hệ thống thông tin liên lạc được đấu nối vào mạng viễn thông chung của huyện Thanh Trì thông qua tổng đài riêng khu vực.

+ Hệ thống camera giám sát: đặt tại các khu vực công cộng như cổng chính, cổng phụ, đường đi... của cơ sở

- Hệ thống PCCC:

+ Hệ thống báo cháy tự động: cơ sở đã lắp đặt tủ trung tâm báo cháy ở phòng thường trực.

+ Hệ thống chữa cháy bằng nước: đã lắp đặt 2 cụm máy bơm động cơ điện và 1 máy bơm bù áp phục vụ cấp nước chữa cháy trong nhà, ngoài nhà và hệ thống chữa cháy sprinkler tự động.

+ Lắp đặt 2 trụ tiếp nước chữa cháy cho hệ thống chữa cháy bên trong nhà và trụ cấp nước chữa cháy ngoài nhà để cung cấp nước cho chữa cháy.

+ Mỗi hộ kinh doanh thường xuyên, cố định trong chợ trang bị 1-2 bình cứu hỏa đúng tiêu chuẩn cho phép để đảm bảo chữa cháy kịp thời.

- Hệ thống giao thông:

+ Lối vào của chợ được mở rộng tối đa với 2 lối ra vào chợ tiếp giáp với đường Phan Trọng Tuệ.

+ Lối đi chính: Được thiết kế rộng rãi, cho phép hai người đi ngược chiều dễ dàng tránh nhau, đảm bảo lưu thông suôn sẻ trong khu vực chợ.

+ Hành lang phụ: Nối các gian hàng với lối đi chính, giúp người mua dễ dàng tiếp cận các khu vực khác nhau trong chợ.

+ Bãi đỗ xe máy và xe đạp: Được bố trí gần các cổng ra vào, thuận tiện cho người dân gửi xe khi vào chợ.

+ Bãi đỗ xe ô tô: Có khu vực riêng biệt dành cho xe ô tô, giúp tránh tình trạng lấn chiếm lối đi và đảm bảo trật tự trong chợ.

Chợ Cầu Bươu đi vào hoạt động năm 2016, gồm 437 hộ kinh doanh, trong đó có 199 kiốt và 238 sạp hàng với tổng số 25 ngành hàng như: khu bán hàng thực phẩm, hoa quả, đồ gia dụng, quần áo, giày dép... phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại địa phương và các vùng lân cận. Hiện nay, do khó khăn về tình hình kinh tế và thu hút các tiểu thương tập trung buôn bán tại chợ, vì vậy tính đến tháng 5 năm 2025 số tiểu thương buôn bán tại chợ khoảng 135 hộ kinh doanh chiếm khoảng 630% công suất của chợ. Dự kiến đến năm 2027-2028 tỷ lệ lấp đầy sẽ đạt 100% công suất.

b.3. Quy mô các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: đường ống đứng PVC D60, D110 thu gom nước mưa tại các khối nhà sau đó thoát vào rãnh B300, cống D600 qua các hố ga lắng và được xả vào mương thoát nước của khu vực nằm ở phía Bắc dự án.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

+Nước thải xí tiêu từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (98 bể trong đó: 97 bể có thể tích 3m³/bể và 01 bể có thể tích 15m³), nước thải thoát sàn, lavabor từ các nhà vệ sinh và khu vực chợ ngoài trời hoạt động kinh doanh được xử lý sơ bộ qua hố ga sau đó theo ống D90, D200, rãnh B300 đưa về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày đêm và sau đó theo ống PVC D200, cống BTCT D600 được xả vào mương thoát nước của khu vực nằm ở phía Bắc dự án.

- Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Hố gom và tách rác → Bể điều hòa → Bể xử lý yếm khí → Bể Anoxic → Bể xử lý hiếu khí → Bể lắng đứng → Bể khử trùng → Bể trung chuyển → Nguồn tiếp nhận.

- Kho chứa chất thải rắn thông thường:

+ Bố trí các thùng rác loại 120 lít tại khu vực sân đường nội bộ, bãi đỗ xe và các vị trí công cộng khác để thu gom rác thải sinh hoạt.

+ Các hộ kinh doanh tự trang bị các loại thùng rác để thu gom rác thải thông thường phát sinh từ quầy hàng, kiốt, khu vực kinh doanh của mình.

+ Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng có nguồn gốc thực phẩm, các hộ

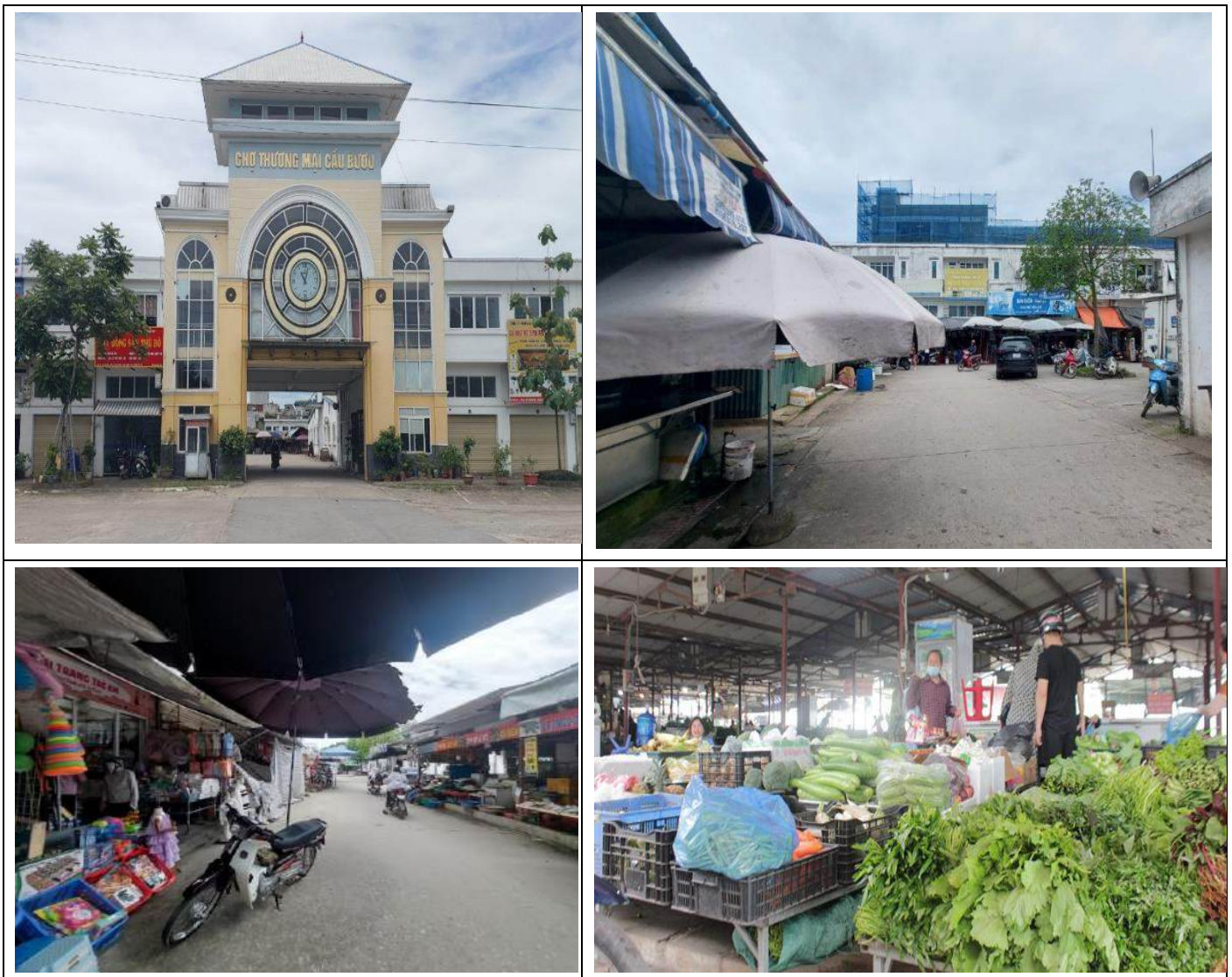
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

kinh doanh sẽ thu gom và cho các hộ gia đình chăn nuôi làm thức ăn chăn nuôi. Đối với chất thải thông thường khác có khả năng tái chế, tái sử dụng sẽ vận chuyển đến khu tập kết rác của cơ sở.

Lượng CTRSH phát sinh tại cơ sở giai đoạn hiện tại: 6,5 tấn/tháng. Cơ sở bố trí khu tập kết chất thải rắn diện tích khoảng 10m² phía Đông Nam gần bãi đỗ xe của dự án. Bố trí 3 xe rác đẩy tay chứa rác thải và thuê Công ty Cổ phần môi trường đô thị Thanh Trì đến thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

- Kho chứa CTNH: Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở hiện tại khoảng: 10 kg/năm. Bố trí các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy và kho chứa CTNH diện tích 5m² phía Đông Nam gần bãi đỗ xe của dự án và thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý khi đủ khối lượng.

Một số hình ảnh hiện trạng tại chợ Cầu Bươu:

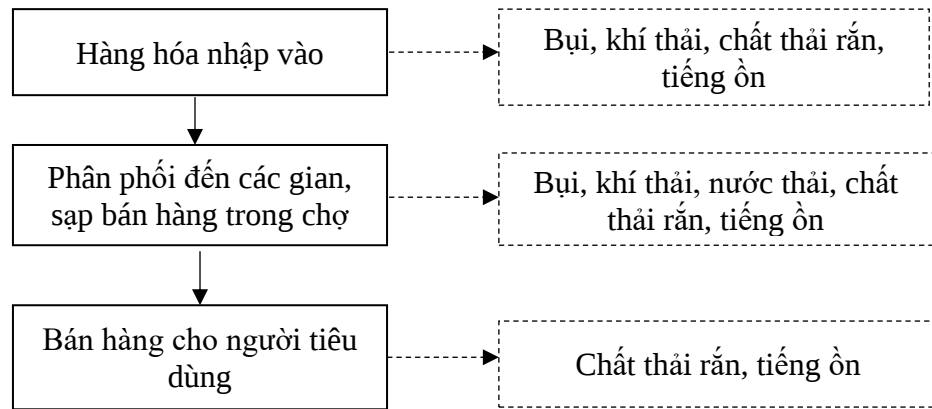


Hình 1. 2. Một số hình ảnh hiện trạng tại cơ sở

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Chợ Cầu Bươu là cơ sở dịch vụ, thương mại nên không có công nghệ sản xuất. Chủ cơ sở sẽ cho các tiểu thương thuê lại mặt bằng, kiốt để hoạt động. Thời gian hoạt động của các tiểu thương là liên tục theo ngày, từ 5h30 đến 20h30 hàng ngày.

Quy trình hoạt động của các tiểu thương trong chợ:



Hình 1. 3. Sơ đồ hoạt động của chợ

Thuyết minh quy trình:

Các tiểu thương sẽ thu mua các mặt hàng từ các nhà cung cấp trên địa bàn huyện Thanh Trì, các khu vực lân cận và các tỉnh lân cận về bán lại cho người dân có nhu cầu.

Việc vận chuyển hàng hóa từ các nhà cung cấp đến chợ chủ yếu bằng phương tiện giao thông đường bộ các loại như: Xe máy, xe tải, xe ba bánh... Các loại hàng hóa sau khi được nhập vào và lưu trữ tại các sạp kinh doanh được bán lại cho người tiêu dùng.

Việc trao đổi buôn bán tại chợ phải được thực hiện dưới sự quản lý và điều hành của Ban quản lý chợ. Hàng hóa trong chợ phải được bảo quản tốt, đảm bảo chất lượng hàng hóa khi bán cho người dân là sản phẩm còn tươi và an toàn. Các hàng hóa không tiêu thụ được hoặc hết hạn sử dụng, hư hỏng... được tiểu thương thu gom để tiến hành xử lý theo đúng quy định.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Chợ Cầu Bươu là cơ sở dịch vụ, thương mại không có hoạt động sản xuất do đó không có sản phẩm được tạo ra. Sản phẩm của dự án là các ki ốt và nhà chợ chính phục vụ kinh doanh thương mại.

Phương án bố trí, sắp xếp ngành hàng kinh doanh, điểm kinh doanh tại chợ Cầu Bươu đã được Sở công thương thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 742/QĐ-SCT ngày 19/11/2015 phê duyệt phương án, bố trí sắp xếp ngành hàng kinh doanh tại chợ Cầu Bươu, cụ thể như sau:

Cơ cấu ngành hàng 25 ngành hàng chia làm bốn khu vực chức năng. Gồm có:

- Khối ki ốt 9A gồm: 83 ki ốt, bố trí các ngành hàng: điện máy, điện tử, điện lạnh, thực phẩm đông lạnh, thuốc tân dược, vàng bạc, trang sức, văn phòng giới thiệu sản phẩm, vật liệu xây dựng, sắt thép kim khí, sành sứ, nước giải khát, đồ gia dụng, đồ may mặc, hàng vải, chăn ga gối đệm.

- Khối ki ốt 9B gồm: 104 ki ốt bố trí các ngành hàng: hàng mã, giày dép, hàng tạp hóa, hàng quần áo giá rẻ.

- Khối ki ốt 9C gồm: 12 ki ốt bố trí ngành hàng: nước giải khát, hàng ăn hàng, gạo lương thực.

- Bãi họp chợ ngoài trời có mái che gồm 238 sạp hàng bố trí các ngành hàng: hàng thức ăn, hàng hoa tươi, hàng trứng, hàng hoa quả, hàng rau củ quả, hàng thịt gia súc, gia cầm, hàng hải sản.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

Số lượng điểm kinh doanh là 437 điểm gồm 199 ki ốt và 238 sạp hàng.

Bảng 1.2. Danh sách ngành hàng và phương án bố trí, sắp xếp tại chợ Cầu Bươu

TT	Ngành hàng	Số điểm kinh doanh	Vị trí
1	Điện máy, điện tử, điện lạnh	11	Từ số 01 – số 11, dãy kiốt 9A
2	Giới thiệu thực phẩm đông lạnh	01	Số 12, dãy kiốt 9A
3	Thuốc tân dược	01	Số 13, lẻ, dãy kiốt 9A
4	Vàng bạc, trang sức	02	Số 15, lẻ, dãy kiốt 9A
5	Văn phòng phẩm	03	Số 17, 18, dãy kiốt 9A
6	Văn phòng cho thuê và giới thiệu sản phẩm	13	Từ số 19 – số 31, dãy kiốt 9A
7	Vật liệu xây dựng, sắt thép, kim khí, sành sứ	12	Từ số 32 – số 43, dãy kiốt 9A
8	Hàng nước, giải khát	04	Dãy số 44, dãy kiốt 9A; Từ số 188 – 190, dãy kiốt 9B
9	Đồ gia dụng	10	Từ số 45 – số 54, dãy kiốt 9A
10	Đồ điện gia dụng, máy cao cấp	04	Số 55 – 57, dãy kiốt 9A
11	Vải	14	Từ số 58 – số 71, dãy kiốt 9A
12	Chăn ga, gối đệm	12	Từ số 72 – số 83, dãy kiốt 9A
13	Hàng mã	05	Từ số 84 – số 87, dãy kiốt 9B
14	Giày dép	06	Từ số 88 – số 93, dãy kiốt 9B
15	Tạp hóa	43	Từ số 94 – số 135, dãy kiốt 9B
16	Quần áo, đồ may mặc giá rẻ	52	Từ số 136 – số 187, dãy kiốt 9B
17	Hàng ăn	08	Từ số 191 – số 195, dãy kiốt 9B
18	Hàng gạo, lương thực	04	Từ số 196 – số 199, dãy kiốt 9B
19	Hàng thức ăn chín	24	Từ số 01 – số 24, khu ngoài trời có mái che
20	Hoa tươi	12	Từ số 25 – số 30 và từ số 43 – số 48, khu ngoài trời có mái che
21	Hàng trứng	12	Từ số 31 – số 42, khu ngoài trời có mái che
22	Hàng hoa quả	48	Từ số 49 – số 96, khu ngoài trời có mái che
23	Hàng rau củ quả	48	Từ số 97 – số 144, khu ngoài trời có mái che
24	Hàng thịt gia súc, gia cầm	48	Từ số 145 – số 192, khu ngoài trời có mái che
25	Hàng hải sản	46	Từ số 193 – số 238, khu ngoài trời có mái che

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu về nguyên liệu

Nguyên liệu là các mặt hàng kinh doanh buôn bán chủ yếu từ các nhà cung cấp tại địa phương nhằm hạn chế chi phí giá thành vận chuyển. Nguyên liệu sử dụng chủ yếu trong quá trình hoạt động của cơ sở là các loại lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu ẩm thực của người dân, riêng mặt hàng kinh doanh hải sản dự kiến sẽ được chuyên chở từ các tỉnh thành như: Thanh Hóa, Hải Phòng, Quảng Ninh,... Lượng nguyên liệu trong một ngày lưu thông tại chợ phụ thuộc vào sức mua của người dân trên địa bàn.

4.2. Nhu cầu về hóa chất

Cơ sở chỉ sử dụng nhiên liệu, hóa chất chủ yếu cho hoạt động vệ sinh khu vệ sinh và cho hệ thống xử lý nước thải cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất

STT	Loại nhiên liệu, hóa chất	Đơn vị	Lượng sử dụng	Ghi chú
1	Nước tẩy rửa toilet	lít/năm	60	Phục vụ lau dọn nhà vệ sinh
2	Nước xà bông rửa tay	lít/năm	30	Vệ sinh
3	Nước lau sàn	lít/năm	120	Phục vụ lau dọn vệ sinh, lau sàn nhà tại cơ sở
4	PAC	kg/năm	65	Chất keo tụ, trợ lắng dùng trong xử lý nước thải
5	NaOCl	kg/năm	110	Khử trùng nước thải
6	Chế phẩm vi sinh	kg/năm	50	Đổ trực tiếp vào bồn cầu nhà vệ sinh nhằm phân hủy nhanh các chất thải hữu cơ có trong nước thải

(Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh)

4.3. Nhu cầu về điện, nước

a. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cung cấp điện

- Nguồn cung cấp: Nguồn điện cung cấp cho chợ Cầu Bươu được cung cấp bởi Công ty điện lực Hà Nội thông qua điểm đầu nối cấp điện từ trạm biến áp của chợ Cầu Bươu lộ 474E1.10 thông qua hợp đồng số 22191022/EVN HANOI/HĐMBĐNMDSH ngày 185/11/2022 giữa Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội và Công ty Cổ phần xây dựng Hà Khánh.

- Căn cứ theo thực tế sử dụng lượng điện sử dụng của cơ sở từ tháng 2/2025 đến tháng 5/2025 theo hóa đơn tiền điện cụ thể như sau (hóa đơn tiền điện đính kèm phụ lục):

Bảng 1. 4: Nhu cầu sử dụng điện hiện tại của cơ sở

STT	Thời gian sử dụng	Đơn vị	Lượng điện sử dụng
1	Tháng 2/2025	kWh	21.360
2	Tháng 3/2025	KWh	17.160
3	Tháng 4/2025	kWh	21.240
4	Tháng 5/2025	kWh	23.400
Trung bình		kWh	20.790

Vậy, tổng lượng điện sử dụng trung bình của cơ sở là **20790 kWh/tháng**.

b. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp nước: từ nguồn nước ngầm.

Công ty đã được cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo giấy phép số 04/GP-STNMT-TNN ngày 19/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp với tổng lượng nước khai thác 80 m³/ngày đêm.

Vị trí: 01 giếng khai thác nằm tại trong khuôn viên cơ sở tại xã Tả Thanh Oai, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bảng 1. 5. Thông tin về giếng khoan của cơ sở

Số hiệu	Tọa độ (theo tọa độ VN2000)		Lưu lượng m ³ /ngđ	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		
CB	2318111	584103	80	52	58	30	Pleistocen

Nước ngầm từ giếng khoan được xử lý bằng hệ thống bể lọc sau đó chứa trong 1 bể chứa nước sạch thể tích 100m³ cấp cho sinh hoạt và 01 bể chứa cháy thể tích: 500m³.

** Nhu cầu sử dụng nước theo báo cáo đánh giá tác động môi trường*

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước theo báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Đối tượng sử dụng	Khối lượng	Nhu cầu sử dụng	Tổng (m ³ /ngày)
1	WC khu chợ chính và chợ dân sinh	2000	40 (lít/người/ngày)	80
2	Hoạt động kinh doanh của chợ	697 sạp	0,12 m ³ /sạp	83,64
3	Nước rửa sàn	17.072 m ²	1 m ³ /100 m ² chợ	17,072
4	Nước dự phòng		25%	45,34
5	Nước chữa cháy			100
Tổng (làm tròn)				181 m³ nước sử dụng + 145 m³ dự phòng và cứu hỏa

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

(Nguồn: báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở)

Theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường trước đây của cơ sở thì lượng nước sinh hoạt lớn nhất là $181\text{m}^3/\text{ngày}$ và nước sử dụng cho dự phòng và cứu hỏa là 145m^3 .

* Nhu cầu sử dụng nước khi cơ sở hoạt động thay đổi so với nội dung ĐTM đã phê duyệt với tỷ lệ lấp đầy 100% như sau:

+ Nhu cầu dùng nước cho hoạt động sinh hoạt và kinh doanh của chợ Cầu Bươu đưa vào tính toán theo thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình và áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD). Nước công trình công cộng và dịch vụ được quy hoạch tùy theo tính chất cụ thể của công trình, tối thiểu $2\text{ lít}/\text{m}^2$ sàn-ngày.đêm và hệ số không điều hòa ngày $K_{\text{ngày}} = 1,2$. Kết quả tính toán nhu cầu dùng nước của cơ sở khi hoạt động 100% công suất thay đổi so với nội dung ĐTM đã phê duyệt được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1.7. Nhu cầu dùng nước của cơ sở khi hoạt động 100% công suất thay đổi so với nội dung ĐTM đã được phê duyệt

STT	Đối tượng sử dụng	Đơn vị	Quy mô	Định mức	Lưu lượng sử dụng nước ($\text{m}^3/\text{ngày}$)
I	Các khu nhà kinh doanh				
1	Khối kiốt 9A	m^2	7621,5	$3\text{ lít}/\text{m}^2$	22,86
2	Khối kiốt 9B	m^2	2266	$3\text{ lít}/\text{m}^2$	6,798
3	Khối kiốt 9C	m^2	982	$3\text{ lít}/\text{m}^2$	2,946
4	Khối nhà chợ chính	m^2	1736,9	$3\text{ lít}/\text{m}^2$	5,2107
5	Khu chợ ngoài trời có mái che	m^2	1200	$3\text{ lít}/\text{m}^2$	3,6
II	Nhân viên quản lý chợ	Người	16	20 lít người/ngày	0,32
III	Người dân đi chợ (30% số người đi vệ sinh)	Người	600	5 lít người/ngày	3
IV	Tưới cây, rửa đường	m^2	9929	$1\text{ lít}/\text{m}^2$	9,929
V	Rửa hệ thống lọc nước giếng khoan	Lần		$2\text{m}^3/\text{lần}$	2
Tổng nhu cầu sử dụng nước trung bình (Q_{tb})					56,34
Tổng nhu cầu sử dụng nước lớn nhất ($Q_{\text{max}} = 1,2 \times Q_{\text{tb}}$)					67,21

Như vậy, Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất của dự án khoảng $67,2\text{ m}^3/\text{ngđ}$ (không bao gồm nước cứu hỏa) trong đó:

- Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất cho sinh hoạt và kinh doanh: $53,3\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Nhu cầu sử dụng nước cho tưới cây, rửa đường: $11,91\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Nhu cầu sử dụng nước cho rửa lọc hệ thống xử lý nước dưới đất: $2\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

Lưu lượng nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lưu lượng nước cấp (theo quy định về xác định khối lượng nước thải tại khoản a, mục 1, điều 39 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP). Như vậy lượng nước thải sinh hoạt phát sinh lớn nhất khi cơ sở hoạt động 100% công suất là:

$$Q_{NTSH} = 100\% \times Q_{\text{nước cấp SH}} = 53,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \sim 54 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

** Nhu cầu sử dụng nước hiện trạng tại cơ sở*

Hiện tại, chợ có khoảng 135 sạp hàng và kiot đang hoạt động. Tỷ lệ lấp đầy khoảng 30%. Theo nhật ký khai thác nước tại cơ sở cho thấy hoạt động sử dụng nước từ tháng 1/2024 đến tháng 4/2025 được trình bày dưới đây:

Bảng 1. 8. Lưu lượng nước sử dụng tại cơ sở theo nhật ký khai thác

STT	Thời gian	Tổng lưu lượng khai thác (m ³ /tháng)	Số ngày khai thác	Lưu lượng nước khai thác trung bình (m ³ /ngày đêm)
1	Tháng 01/2024	707	31	22,8
2	Tháng 02/2024	863	28	29,75
3	Tháng 3/2024	799	31	25,77
4	Tháng 4/2024	983	30	32,76
5	Tháng 5/2024	1001	31	32,29
6	Tháng 6/2024	940	30	31,33
7	Tháng 7/2024	1060	31	34,19
8	Tháng 8/2024	1086	31	35,03
9	Tháng 9/2024	1017	30	33,9
10	Tháng 10/2024	1019	31	32,87
11	Tháng 11/2024	1046	30	34,86
12	Tháng 12/2024	532	31	17,16
13	Tháng 01/2025	908	31	29,29
14	Tháng 02/2025	730	29	26,07
15	Tháng 3/2025	855	31	27,58
16	Tháng 4/2025	718	30	23,93
Lưu lượng khai thác trung bình/ngày				27,92

(Nguồn: Nhật ký khai thác nước ngầm của cơ sở được đính kèm tại phụ lục)

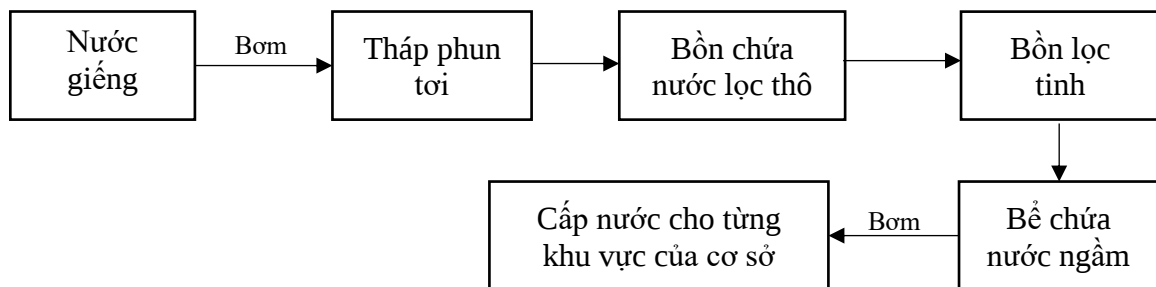
Vậy lưu lượng nước khai thác trung bình từ tháng 01/2024 đến tháng 4/2025 của cơ sở là $Q_{tb} = 27,92 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đạt 34,9% so với lưu lượng được cấp phép $80 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

** Quy trình xử lý nước cấp:*



Hình 1. 4. Hệ thống lọc nước giếng khoan của cơ sở

Đặc trưng của cơ sở là sử dụng nước dùng trong sinh hoạt cho các tiểu thương kinh doanh, buôn bán và cán bộ nhân viên trong chợ Cầu Bươu. Quy trình công nghệ xử lý nước dưới đất của cơ sở như sau:

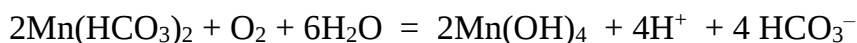


Hình 1. 5. Sơ đồ nguyên lý công nghệ xử lý nước dưới đất

Thuyết minh quy trình xử lý:

- Giai đoạn 1: Bão hòa oxy (hòa trộn khí) – Tháp phun toi:

Nước từ giếng khoan được cấp vào hệ thống nhờ các bơm khai thác nước ngầm. Công đoạn đầu tiên của quy trình là làm thoáng. Sử dụng nguyên lý laval cấp khí cưỡng bức vào trong nước nhờ tháp phun toi. Tại đây, nước hòa trộn với oxy không khí và quá trình oxy hóa Fe^{2+} , Mn^{2+} diễn ra trong suốt quãng đường nước đi trong tháp:



Khi kết thúc giai đoạn xử lý này hầu hết Fe và Mn đã chuyển sang trạng thái kết tủa hoàn toàn. Lúc này nước được phân ra thành 2 pha rõ rệt: phần nước sạch và phần chất rắn lơ lửng.

- Giai đoạn 2: Bồn chứa nước lọc thô

Nước sau xử lý sơ bộ tại tháp phun toi tự chảy sang bồn chứa nước lọc thô để loại bỏ các chất rắn lơ lửng

- Giai đoạn 3: Lọc tinh

Nước từ bể lọc thô chảy sang bể lọc tinh. Bể lọc tinh với vật liệu lọc là cát, sỏi giúp loại bỏ các tạp chất, chất rắn lơ lửng còn lại trong nước. Nước sạch tiếp tục chảy

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CÀU BƯƠU”
 vào bể chứa ngầm dung tích khoảng 100m³. Nước từ bể ngầm được bơm cấp đến các bể
 mái sau đó cấp cho từng khu vực sử dụng nước của cơ sở.

Bảng 1.9. Kết quả phân tích mẫu nước ngầm trước xử lý ngày 18/11/2024

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả NN1	QCVN 09:2023/BTNMT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,2	5,8 ÷ 8,5
2	Permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2,02	4
3	TDS	mg/L	NEJSC/HT/SOP-DN02	322	1500
4	Độ cứng	mg/L	TCVN 6224:1996	89,1	500
5	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,87	1
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ - B:2017	0,24	1
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ - E:2017	2,42	15
8	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996	103	250
9	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F- B&D:2023	<0,05	1
10	Sunphat	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ - E:2017	<6	400
11	Xyanua	mg/L	SMEWW 4500-CN- C&E:2017	<0,003	0,01
12	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,0004	0,01
13	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,001	0,005
14	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,001	0,01
15	Cr (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,004	0,05
16	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,02	1
17	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,02	3
18	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0040	0,02
19	Mn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,02	0,5
20	Hg	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0003	0,001
21	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	1,32	5
22	Se	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,002	0,01
23	Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	<0,0003	0,001
24	Coliform	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH	3
25	E. Coli	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH	KPH

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: NN1: mẫu nước dưới đất trước xử lý

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CÀU BƯƠU”

- Quy chuẩn so sánh:
- + **QCVN 09:2023/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
- KPH: không phát hiện

Bảng 1. 10. Kết quả phân tích mẫu nước sau xử lý ngày 18/11/2024

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả NN2	QCVN 09:2023/BTNMT	QCVN 01-1:2018/BYT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	5,8 ÷ 8,5	6 ÷ 8,5
2	Permanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	1,58	4	2
3	Độ cứng	mg/L	TCVN 6224:1996	59,4	500	300
4	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,67	1	0,3
5	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996	95,3	250	250
6	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D:2023	<0,05	1	1,5
7	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	0,01	0,01
8	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,19	5	0,3
9	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH	3	<3
10	E. Coli	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH	KPH	<1
11	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (C)	<10	-	-
12	Mùi vị	-	Cảm quan	không có mùi, vị lạ	-	-
13	Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	8	-	-
14	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-1:2012	<0,3	-	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu: NN2: mẫu nước dưới đất sau xử lý.
- Quy chuẩn so sánh:
- + **QCVN 09:2023/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
- + **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Nhận xét:

Từ kết quả phân tích trên ta thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích nước dưới đất trước khi xử lý đều đạt QCVN 09:2023/BTNMT. Nước giếng khoan sau khi được xử lý bằng

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯOU”

hệ thống xử lý nước dưới đất của cơ sở cho thấy đa phần các chỉ tiêu đều đạt QCVN 01-1:2018/BYT. Điều này cho thấy hệ thống xử lý nước ngầm tại cơ sở đang hoạt động tốt. Như vậy, nước ngầm sau xử lý có thể cung cấp nước sinh hoạt và kinh doanh cho các tiểu thương kinh doanh, buôn bán trong chợ Cầu Brou.

** Nước thải của hệ thống xử lý nước dưới đất của cơ sở:*

Nguồn nước khai thác từ giếng khoan được đưa qua hệ thống xử lý nước dưới đất với bể lọc tinh với vật liệu lọc là cát, sỏi. Định kỳ 1 tuần/lần, cơ sở tiến hành rửa lọc hệ thống xử lý nước dưới đất, thời gian rửa lọc khoảng 3-5 phút với công suất bơm $25\text{m}^3/\text{h}$. Lưu lượng nước cấp để rửa lọc khoảng $Q_{rl} = 25 \times (5/60) = 2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Xử lý nước thải rửa hệ thống xử lý nước dưới đất: toàn bộ nước thải từ quá trình rửa lọc hệ thống xử lý nước dưới đất được thu gom theo đường ống PVC D60 vào rãnh B300 sau đó vào cống tròn BTCT thu nước mưa D600 rồi thoát ra mương thoát nước của xã Tả Thanh Oai.

c. Nhu cầu thoát nước của cơ sở:

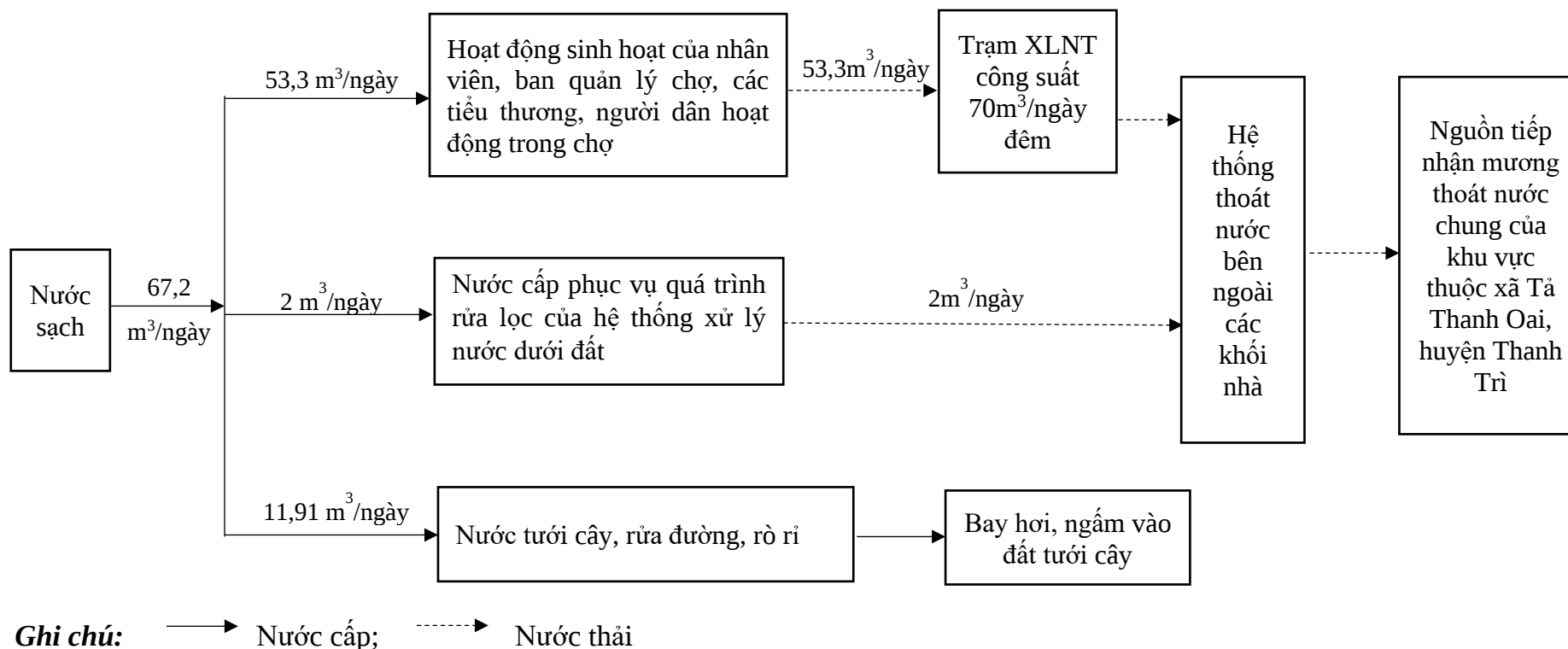
** Nước thải của cơ sở (dựa vào nhật ký vận hành)*

Căn cứ vào hồ sơ theo dõi XLNT của cơ sở từ tháng 1/2024 đến tháng 4/2025 thì lưu lượng nước thải phát sinh được thống kê theo bảng sau:

Bảng 1.11. Lưu lượng nước thải phát sinh của cơ sở theo nhật ký vận hành

Tháng	Số ngày	Tổng lượng nước phát sinh ($\text{m}^3/\text{tháng}$)	Tổng lượng nước phát sinh ($\text{m}^3/\text{ngày đêm}$)
1/2024	31	397	12,8
2/2024	28	327	11,27
3/2024	31	357	11,51
4/2024	30	367	12,23
5/2024	31	384	12,38
6/2024	30	398	13,26
7/2024	31	360	11,6
8/2024	31	362	11,67
9/2024	30	348	11,22
10/2024	31	343	11,06
11/2024	30	352	11,73
12/2024	31	341	11
1/2025	31	288	9,29
2/2025	29	358	12,7
3/2025	31	334	10,77
4/2025	30	364	12,13
Trung bình		355	11,67
Lớn nhất		398	13,26

- Sơ đồ cân bằng nước trong giai đoạn vận hành của cơ sở:



Hình 1. 6. Sơ đồ cân bằng nước giai đoạn hoạt động của cơ sở

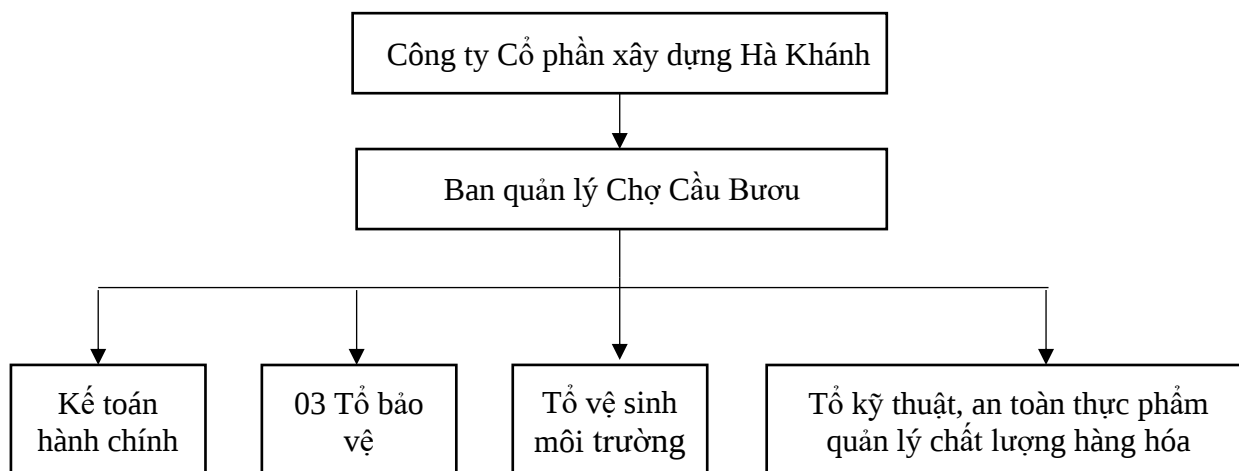
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.

5.1. Tổng vốn đầu tư của cơ sở

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ đồng chẵn./.)
- Nguồn vốn đầu tư: 100% vốn tự có của chủ sở hữu doanh nghiệp và nguồn vốn huy động hợp pháp khác, vốn vay ngân hàng.

5.2. Tổ chức, bộ máy quản lý và vận hành các công trình bảo vệ môi trường

- Chợ Cầu Brou quản lý dưới hình thức: Công ty Cổ phần xây dựng Hà Khánh quản lý dưới hình thức thành lập ban quản lý chợ trực tiếp quản lý cơ sở trong giai đoạn vận hành. Sơ đồ tổ chức của cơ sở như sau:



Hình 1. 7. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý, vận hành của cơ sở

- Công ty bố trí cán bộ nhân viên quản lý trực tiếp tại chợ khoảng 16 người. Trong đó:

- + Trưởng ban, phó ban: 02 người.
- + Kế toán hành chính : 01 người
- + Tổ bảo vệ: 03 người
- + Tổ vệ sinh môi trường: 05 người
- + Tổ kỹ thuật, an toàn thực phẩm và quản lý chất lượng hàng hóa: 05 người
- Ban quản lý chợ trong công tác bảo vệ môi trường đảm bảo thực hiện:
 - + Vận hành hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải; trạm xử lý nước thải.
 - + Bảo quản, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa các hệ thống kỹ thuật.
 - + Giám sát công tác thu gom rác thải.
 - + Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến bảo vệ môi trường.

- Ngoài ra các thương nhân, hộ gia đình thuê mặt bằng kinh doanh tại chợ phải chấp hành các quy định chung, đồng thời phải có ý thức tự giác bảo vệ môi trường chung trong khu vực kinh doanh, buôn bán.

5.3. Khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định

Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải ngầm công suất 70m³/ngày đêm công nghệ xử lý bằng phương pháp sinh học. Khoảng cách từ hệ thống xử lý nước thải của dự án đến khu dân cư khoảng 50m đáp ứng Khoảng cách an toàn về môi trường (>15m) theo quy định tại QCVN 01:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Theo Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Dự án chợ Cầu Bươu phù hợp với Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó nhấn mạnh phát triển Thủ đô theo hướng đô thị xanh, thông minh, bền vững, gắn với hạ tầng thương mại hiện đại và thân thiện với môi trường. Việc xây dựng chợ Cầu Bươu tại địa bàn huyện Thanh Trì – khu vực cửa ngõ phía Nam Hà Nội – phù hợp với định hướng phát triển các trung tâm thương mại – dịch vụ cấp vùng và địa phương, góp phần giảm áp lực cho các chợ truyền thống nội đô.

+ Chợ Cầu Bươu không chỉ đáp ứng nhu cầu giao thương, tiêu dùng của người dân mà còn đóng vai trò là hạ tầng thương mại quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững của Thủ đô đến năm 2050.

- Chợ Cầu Bươu nằm trên địa bàn xã Tả Thanh Oai và xã Hữu Hòa, cách khu dân cư gần nhất khoảng 50m, cách khu đô thị Đại Thanh khoảng 600m, cách khu đô thị Xa La khoảng 2km tạo điều kiện thuận lợi cho chợ Cầu Bươu phát triển, góp phần chấm dứt hợp chợ tạm trong khu vực, đồng thời thu hút được các tiểu thương đang kinh doanh ở khu vực lân cận vào chợ, ổn định địa điểm kinh doanh và phục vụ sinh hoạt tốt hơn cho người dân xung quanh. Cơ sở hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật, các quy hoạch phát triển có liên quan của địa phương như sau:

- Quy hoạch chi tiết huyện Thanh Trì tỷ lệ 1/5000 đã được UBND thành phố phê duyệt tại quyết định số 133/2001/QĐ-UB ngày 28/12/2001.

- Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại thành phố Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt theo quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 của UBND thành phố Hà Nội.

- Quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt theo quyết định số 5058/QĐ-UBND ngày 05/11/2012.

- Phương án bố trí tổng thể công trình, kết cấu, thông số chính, hệ thống PCCC của Chợ Cầu Bươu đều được Sở Xây dựng, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hà Nội thẩm tra. Ngoài ra, diện tích sử dụng đất của cơ sở phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương, được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BL 868001 ngày 21/1/2014.

- Quy hoạch chi tiết huyện Thanh Trì tỷ lệ 1/5000 đã được UBND thành phố phê duyệt tại quyết định số 133/2001/QĐ-UB ngày 28/12/2001.

- Phù hợp với Giấy phép xây dựng số 25/GPXD-UBND ngày 11/02/2015 và Giấy phép xây dựng số 512/GPXD-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Thanh Trì cấp cho Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh được phép xây dựng các công trình thuộc dự án chợ Cầu Bươu.

Do vậy, chợ Cầu Bươu hoàn toàn phù hợp với quy hoạch cũng như chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

a. Đối với môi trường nước

Nước thải của chợ Cầu Bươu có hàm lượng chủ yếu là: BOD₅, TSS, Coliform, Tổng dầu mỡ khoáng và hàm lượng hữu cơ. Tổng lưu lượng xả thải của cơ sở ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước chung của khu vực với lưu lượng lớn nhất 72m³/ngày đêm, tương ứng 0,00083m³/s < lưu lượng dòng chảy của nguồn tiếp nhận là Q_s= 0,041m³/s và Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 70m³/ngày đêm tại cơ sở nhằm mục đích đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của khu chợ Cầu Bươu. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,0) trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận. Do vậy lưu lượng và chất lượng nước thải phù hợp với nguồn tiếp nhận.

Theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 284/GP-UBND ngày 29/7/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cho phép Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Khánh được xả nước thải từ Chợ Cầu Bươu với lưu lượng xả thải lớn nhất 72m³/ngày đêm, trong đó lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất là 70m³/ngày đêm, lưu lượng xả nước rửa lọc hệ thống xử lý nước dưới đất là 2m³/ngày đêm ra nguồn tiếp nhận là mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (nằm cạnh đường Phan Trọng Tuệ).

Mặt khác, mương tiếp nhận nước thải chỉ sử dụng cho thoát nước cho khu vực và không hoạt động khai thác sử dụng cho mục đích khác. Vị trí các điểm xả nước thải lân cận cùng xả vào nguồn tiếp nhận: Các nguồn thải lân cận xung quanh khu vực cơ sở có nguồn thải từ khu dân cư, các công ty, cửa hàng kinh doanh, trung tâm GDTX huyện Thanh Trì... đều thuộc dạng nước thải sinh hoạt do hoạt động sinh hoạt, làm việc của con người. Các yếu tố gây ô nhiễm nước thải này bao gồm: nước vệ sinh, tắm giặt, nước dùng cho bồn cầu, bệ tiểu. Đặc tính của dòng nước thải này là chứa hàm lượng chất hữu cơ, nitơ, chất tẩy rửa và chất rắn lơ lửng cao. Ngoài ra, trong dòng chảy này còn có thể có dầu mỡ, vi khuẩn,...

Các nguồn thải xung quanh cơ sở phát sinh từ nhiều hoạt động sinh hoạt và sản xuất khác nhau, do đó việc xác định, thống kê lưu lượng nước thải từ các nguồn này gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, hiện nay lượng nước xả thải vào nguồn tiếp nhận chủ yếu là nước thải sinh hoạt đã qua xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, một số nguồn nước thải đã được xử lý bằng hệ thống xử lý trước khi thoát tự chảy xả vào môi trường. Tại thời điểm khảo sát, mương tiếp nhận nước thải vẫn đáp ứng tốt nhu cầu thoát nước của khu vực.

Nước thải của cơ sở được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1) trước khi xả ra môi trường, do đó việc xả nước thải của cơ sở chỉ làm tăng lưu lượng dòng chảy, không gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận là mương thoát nước chung của khu vực nằm ở phía Bắc dự án thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (nằm cạnh đường Phan Trọng Tuệ).

b. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Trong quá trình hoạt động của cơ sở, nguồn phát sinh khí thải chủ yếu xuất phát từ các phương tiện lưu thông và buôn bán trong khu vực chợ; mùi từ khu vực hoạt động dịch vụ ăn uống, mùi từ khu nhà vệ sinh công cộng, khu tập kết rác. Tuy nhiên, lượng xe ra vào chợ tuân thủ hướng dẫn theo quy định của Ban quản lý chợ, có bố trí bãi đỗ xe tại cơ sở và công ra vào thuận tiện cho việc đi lại. Do vậy việc phát sinh khí thải từ các phương tiện giao thông là cục bộ, hầu như không gây ảnh hưởng tới các thành phần môi trường xung quanh.

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động mua bán, không thể tránh khỏi trong quá trình hoạt động chợ và rất khó xác định cụ thể, chỉ xảy ra theo một thời điểm nhất định trong ngày. Do đó mức độ ồn của cơ sở là có thể chấp nhận được.

- Mặt khác, các số liệu quan trắc môi trường không khí xung quanh tại khu vực chợ cho thấy môi trường không khí có chất lượng tương đối tốt, không gian kiến trúc bố trí hoà hòa, thoáng mát nên khả năng khuếch tán không khí là khá tốt.

Do đó dự án hoàn toàn phù hợp với các định hướng phát triển cũng như khả năng chịu tải môi trường.

c. Sự phù hợp của cơ sở đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Đối với chất thải rắn: Cơ sở đã bố trí các thùng chứa rác thải tại các khu vực và kho chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt phía Đông Nam gần bãi đỗ xe. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường đô thị Thanh Trì thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở theo hợp đồng số 09TTO/2024-2026/HDDV-MTĐTTT ngày 30/12/2023. Do đó, việc phát sinh chất thải rắn không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh của cơ sở.

- Đối với CTNH: Cơ sở đã bố trí các thùng chứa và kho chứa chất CTNH đặt phía Đông Nam gần bãi đỗ xe. Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thi gom, vận chuyển xử lý. Do đó, việc phát sinh CTNH không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh của cơ sở.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và nước thải xử lý

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

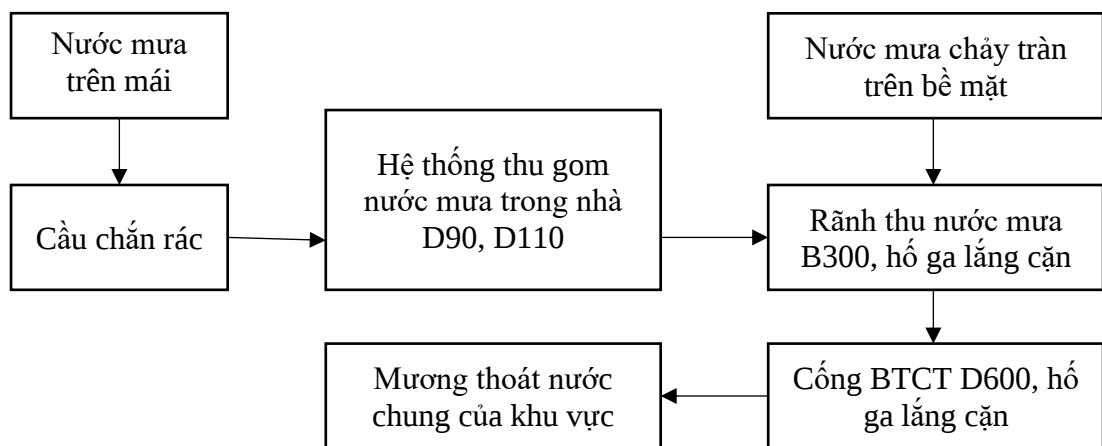
a. Nguồn phát sinh và thành phần

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ nước mưa trên mái các dãy nhà, nước mưa chảy tràn trong khuôn viên của chợ.

- Thành phần: phát sinh vào những ngày trời mưa, nước mưa sẽ cuốn theo đất cát, lá cây...

b. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Hiện tại hệ thống thu gom và thoát nước ngoài nhà của chợ là hệ thống thoát nước chung cho thoát nước thải và thoát nước mưa, đã được xây dựng hoàn chỉnh 100%.



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

Nước mưa của cơ sở được thu gom như sau:

Nước mưa từ mái của các khối nhà được thu gom bằng các đường ống đứng PVC D90, D110 và nước mưa chảy tràn của chợ được thu vào các rãnh B300 xây bằng gạch dài 548,6m bố trí xung quanh các khối nhà, sân đường nội bộ của cơ sở. Sau đó tiếp tục chảy vào cống tròn BTCT D600 dài 130m rồi thoát ra mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì với 01 điểm xả trùng với điểm xả nước thải. Ngoài ra, trên các rãnh B300 và cống D600 có bố trí 18 ga lắng cặn được xây bằng gạch, trát xi măng, nắp hố ga có kết cấu bằng thép, dễ dàng tháo lắp kiểm tra khi cần thiết kích thước $L \times B \times H = 1 \times 1 \times 1(m)$.

Nước mưa được thu gom và thoát vào điểm xả theo cơ chế tự chảy. Tọa độ vị trí xả nước mưa (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° , múi chiếu 3°) cụ thể như sau:

$$X = 2318192; Y = 584201$$

Với hệ thống đường rãnh, cống thu nước và các hố ga bố trí trong khuôn viên cơ sở như vậy thì hoàn toàn có thể đảm bảo việc tiêu thoát nước mưa trong những ngày thời tiết xấu hay mưa kéo dài mà không ảnh hưởng tới hoạt động của cơ sở.

Bảng 3. 1. Thống kê khối lượng hệ thống thu gom thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Rãnh thoát nước mưa	B = 300mm, L=548,6m; Rãnh thoát nước xây bằng gạch
2	Cống BTCT thoát nước mưa	Cống BTCT, D=600mm, L=130m
3	Hố ga thoát nước mưa	18 hố ga, Kích thước L×B×H = 1×1×1(m).
4	Điểm đầu nối thoát nước mưa (trùng với điểm đầu nối thoát nước thải)	01 điểm

Một số hình ảnh hệ thống thoát nước mưa của cơ sở:



Rãnh B300



Hố ga thu nước mưa

Hình 3. 2. Hình ảnh hệ thống thoát nước mưa của cơ sở

Ngoài ra, Công ty còn kết hợp thực hiện các biện pháp sau:

+ Định kỳ kiểm tra, khơi thông hệ thống các hố ga, cống, rãnh dẫn nước mưa để đảm bảo tiêu thoát nước và phát hiện các hỏng hóc, từ đó có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời, tần suất kiểm tra khoảng 01 lần/tháng.

+ Đảm bảo vệ sinh sân, đường nội bộ luôn sạch sẽ; duy trì công tác thu gom, xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh môi trường theo đúng quy định không để chất thải rắn, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

+ Bố trí các thùng lưu giữ CTR sinh hoạt trong khuôn viên cơ sở, thu gom và lưu giữ các chất thải một cách hợp lý và vệ sinh để tránh các chất này bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nguồn phát sinh và thành phần

Nguồn phát sinh nước thải của cơ sở bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải đen từ các xí tiêu từ các nhà vệ sinh.

+ Nước thải xám: từ thoát sàn, lavabor từ các nhà vệ sinh, từ các ki ốt, gian hàng

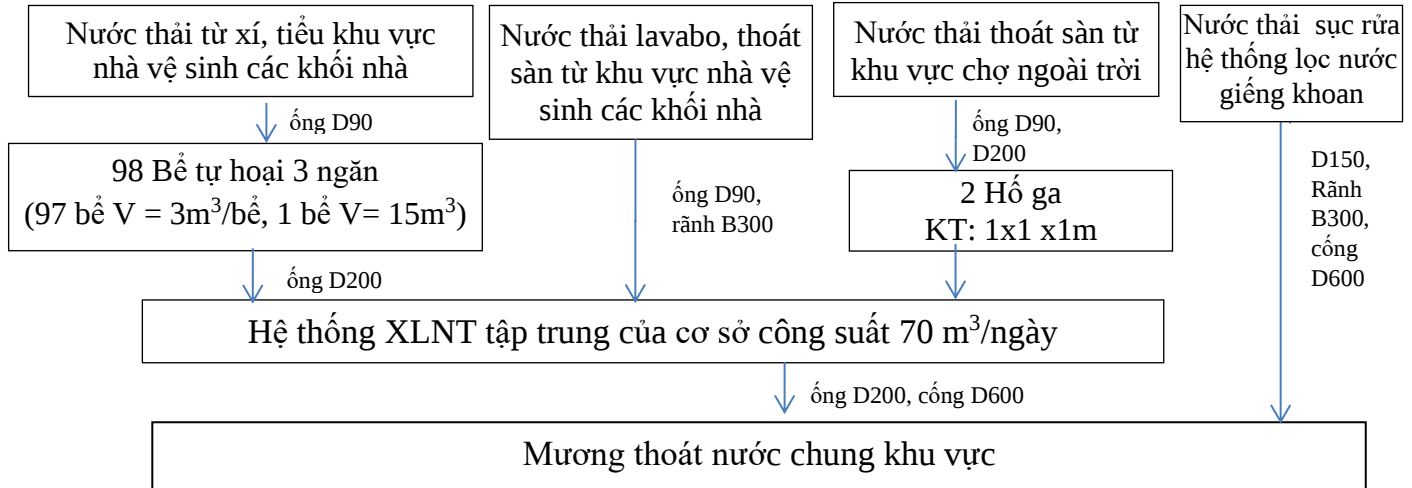
chợ ngoài trời có mái che.

- Nước thải xúc rửa hệ thống xử lý nước dưới đất.

Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, vi sinh vật gây bệnh...

b. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của cơ sở như sau:



Hình 3. 3. Sơ đồ thu gom nước thải của chợ Cầu Bươu

Hệ thống thu gom, thoát nước thải của chợ Cầu Bươu cụ thể như sau:

- Nước thải từ xí, tiểu khu vực nhà vệ sinh các khối nhà (Khối nhà 9A, 9C, nhà điều hành, nhà bảo vệ, khu vệ sinh chung (riêng nhà chợ chính và khối nhà 9B không bố trí nhà vệ sinh)) được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC D90 dài 138m về 98 bể tự hoại 3 ngăn, trong đó có 97 bể tự hoại với thể tích 3m³/bể được bố trí ngầm trong từng kiot của các khối nhà 9A, 9C, nhà điều hành, nhà bảo vệ và 1 bể tự hoại thể tích 15m³ bố trí ngầm phía Tây Nam của chợ dưới khu vực nhà vệ sinh chung của chợ. Nước thải xí, tiểu từ các nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tự chảy qua đường ống PVC D200, có bố trí hố ga thoát nước thải về hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày đêm đặt tại Tây Nam của chợ để xử lý.

- Nước thải thoát sàn, lavabor:

+ Đối với nước thải lavabo, thoát sàn từ khu vực nhà vệ sinh các khối nhà (Khối nhà 9A, 9C, nhà điều hành, nhà bảo vệ, khu vệ sinh chung (riêng nhà chợ chính và khối nhà 9B không bố trí nhà vệ sinh)) được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC D90, rãnh xây B300m về hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày đêm đặt tại Tây Nam của chợ để xử lý.

+ Đối với nước thải thoát sàn từ khu vực chợ ngoài trời có mái che: được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC D90, D200 qua 2 hố ga lắng kích thước: 1x1x1m về hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày đêm đặt tại Tây Nam của chợ để xử lý.

Nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi xử lý tại hệ thống lý nước thải tập trung của cơ sở đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,0) sẽ được chảy qua đường ống PVC D200 dài 10m vào hố ga thoát nước thải của chợ, sau đó tiếp tục chảy qua cống BTCT thu nước mưa D600 dài 130m có bố trí hố ga lắng cặn, rồi thoát vào mương thoát nước thải của khu vực

thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Cơ sở đã lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau bể khử trùng (trước khi vào bể trung chuyển).

- Nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp (nước rửa hệ thống lọc nước giếng khoan) được thu gom bằng đường ống kẽm D150 dài 4m vào rãnh xây B300 dài 3m cống tròn BTCT D600 dài 65m, có bố trí hố ga lắng cặn, rồi thoát ra mương thoát nước thải của khu vực thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bảng 3. 2. Thống kê khối lượng hệ thống thu gom thoát nước thải

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Bể tự hoại	98 bể (97 bể thể tích 3m ³ , 01 bể thể tích 15m ⁵)
2	Ống PVC các loại	D90 (L=138m), D110 (L=381m), D150 (L=4m), D200 (L=102m)
3	Rãnh thu nước thải	B = 300mm, L=105m; Rãnh thoát nước xây bằng gạch
4	Cống BTCT thoát nước	Cống BTCT, D=600mm, L=130m
5	Hố ga thoát nước thải	17 hố ga (trong đó có 05 hố ga thoát chung nước mưa), Kích thước L×B×H = 1×1×1(m).
6	Trạm xử lý nước thải	01 trạm, công suất 70m ³ /ngày đêm
7	Đồng hồ đo nước thải	01 cái
8	Điểm đầu nối thoát nước	01 điểm (trùng với điểm đầu nối thoát nước mưa)

c. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Số lượng điểm xả thải: 01 điểm xả thải nằm ở phía Bắc của cơ sở
- Phương thức xả thải: Tự chảy
- Chế độ xả nước thải: Gián đoạn
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 72m³/ngày đêm, trong đó lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất là 70m³/ngày đêm; lưu lượng xả nước rửa lọc hệ thống xử lý nước giếng khoan là 2m³/ngày đêm.
- Vị trí xả nước thải trùng với vị trí xả nước mưa (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°) cụ thể như sau:

$$X = 2318192; Y = 584201$$

- Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý của cơ sở có các chất ô nhiễm và giá trị các chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14: 2008/BTNMT cột B, K = 1,0.

Để kiểm soát chất lượng nước thải và lưu lượng nước thải chủ cơ sở đã bố trí trên đường ống dẫn nước thải D60 sau bể khử trùng sang bể trung chuyển 01 đồng hồ đo lưu lượng nước thải và lấy mẫu nước thải sau xử lý định kỳ tại cuối đường ống D60 trước

khi vào bể trung chuyển.

** Sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định theo quy định đối với điểm xả nước thải:*

- Cơ sở đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 284/GP-UBND ngày 29/7/2019. Vị trí xả thải nằm phía Bắc của chợ, tại xã Hữu Hòa, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì là vị trí gần cơ sở, thuận lợi cho việc tận dụng địa hình trong quá trình thoát nước theo nguyên tắc tự chảy. Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, các nguồn ô nhiễm phát sinh trong quá trình hoạt động của chợ lưu lượng nước thải phát sinh không lớn và đã được thu gom và xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nên tác động không đáng kể đến nguồn tiếp nhận. Nguồn tiếp nhận không sử dụng để cấp nước sinh hoạt, mà chỉ sử dụng cho mục đích thoát nước mưa, nước thải của khu vực.



Đồng hồ đo lưu lượng nước thải



Điểm xả nước thải, nước mưa của cơ sở

Hình 3. 4. Hình ảnh thoát nước thải của chợ Cầu Bươu

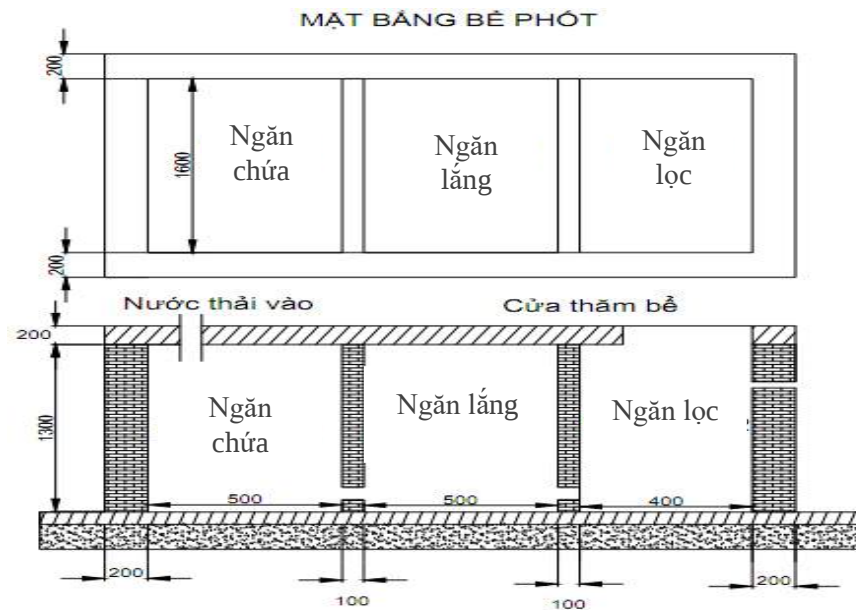
Mương tiếp nhận nước thải của cơ sở là mương thoát nước chung của khu vực, (không phải là mương thủy lợi) do UBND xã Tả Thanh Oai quản lý. UBND xã Tả Thanh Oai nhất trí với phương án xả nước thải của dự án ra mương cạnh đường Phan Trọng Tuệ theo văn bản số 60/CV-LD ngày 25/11/2009 của chủ đầu tư về việc xin thoát nước của dự án Đầu tư, kinh doanh chợ Cầu Bươu.

1.3. Xử lý nước thải

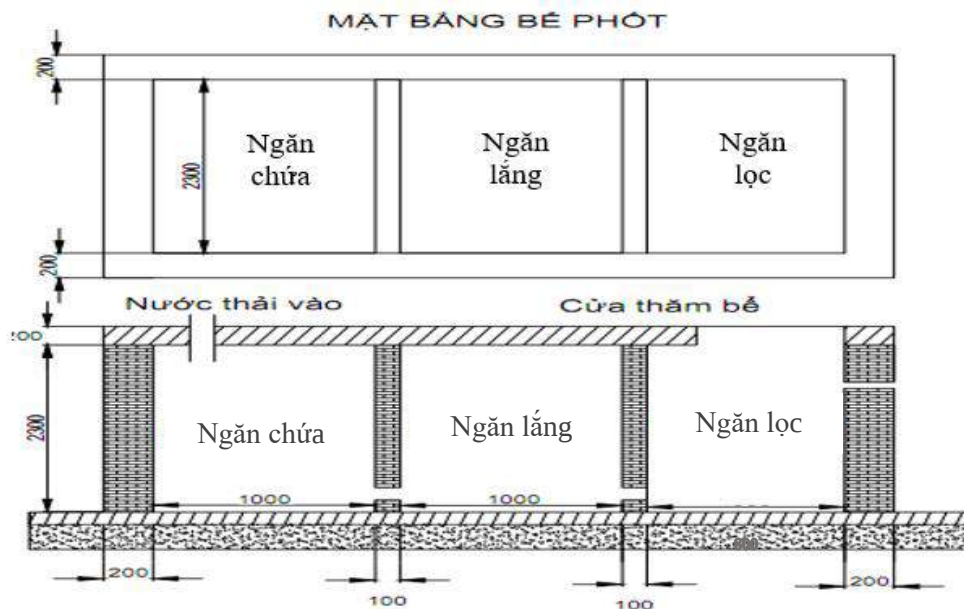
Công trình xử lý nước thải của chợ Cầu Bươu bao gồm công trình xử lý sơ bộ (bể tự hoại) và công trình xử lý tập trung (hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70m³/ngày đêm), cụ thể như sau:

🔧 Bể tự hoại

Toàn bộ lượng nước thải xí tiểu phát sinh từ các nhà vệ sinh của cơ sở được thu gom và xử lý sơ bộ tại 98 bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại có kết cấu bê tông cốt thép với thể tích 3m³/bể và 15m³/bể (97 bể tự hoại với thể tích 3m³/bể được bố trí ngầm trong từng kiot của các khối nhà 9A, 9C, nhà điều hành, nhà bảo vệ và 1 bể tự hoại thể tích 15m³ bố trí ngầm phía Tây Nam của chợ dưới khu vực nhà vệ sinh của chợ). Sơ đồ của bể tự hoại 3 ngăn được thể hiện trong hình dưới đây:



Hình 3. 5. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn thể tích 3m³ của cơ sở



Hình 3. 6. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn thể tích 15m³ của cơ sở

Cấu tạo tại bể tự hoại 3 ngăn bao gồm:

- *Ngăn chứa*: Tất cả nước thải sinh hoạt (phân, nước tiểu, giấy vệ sinh...) sẽ được thu gom vào ngăn chứa. Tại đây diễn ra quá trình phân hủy yếm khí các thành phần hữu cơ đa phân tử trong nước thải thành cặn nhờ các vi khuẩn phân hủy. Các chất thải hydro cacbon, đạm, chất béo... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men trong bể làm giảm bớt mùi hôi, giảm bớt thể tích chuyển hóa thành dần thành bùn cặn. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự chuyển hóa này bao gồm nhiệt độ, lưu lượng dòng nước thải, thời gian lưu nước, tải trọng chất bẩn, dinh dưỡng người sử dụng,...

- *Ngăn lắng*: Những chất thải không thể phân hủy được ở ngăn chứa sẽ được đưa vào ngăn lắng. Ngăn này có chức năng xử lý các chất thải lơ lửng sau khi đã được xử lý ở ngăn chứa. Quá trình phân hủy các thành phần hữu cơ đơn giản tiếp tục được diễn ra, chuyển thành chất khí như CH₄, CO₂, H₂S, NH₃...

- *Ngăn lọc*: Các chất thải, nước thải sau khi đã được xử lý ở ngăn lắng sẽ được

chuyển sang ngăn tiếp theo là ngăn lọc. Tầng trên của ngăn lọc là nước trong đã qua xử lý và được chuyển sang hệ thống thu gom nước thải tập trung để tiến hành xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường.

Toàn bộ nước thải xí tiểu hiện tại của cả cơ sở sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sẽ tiếp tục được thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 70m³/ngày đêm đặt tại phía Tây Nam của chợ để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Ngoài ra, cơ sở cũng thực hiện một số biện pháp sau đây:

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước thải. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

+ Định kỳ (6 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình, đồng thời thường xuyên vệ sinh hệ thống thoát nước và thuê đơn vị có chức năng đến hút cặn, bùn lắng tại bể tự hoại nhằm đảm bảo hệ thống xử lý luôn được vận hành ổn định.

Kích thước bể tự hoại 3 ngăn được xây dựng tại cơ sở như sau:

Bảng 3. 3. Thông số bể tự hoại 3 ngăn

TT	Tên bể	Số lượng, dung tích chứa	Thông số kỹ thuật	Vị trí
1	Bể tự hoại	97 bể × 3m ³	- Kết cấu: BTCT - Dung tích 3m ³ /bể - Kích thước 3 ngăn của bể: + Ngăn chứa: 1,6×0,5×1,3m + Ngăn lắng: 1,6×0,5×1,3m + Ngăn lọc: 1,6×0,4×1,3m	Đặt ngầm trong từng kiot của các khối nhà 9A, 9C, nhà điều hành, nhà bảo vệ
		01 bể × 15m ³	- Kết cấu: BTCT - Dung tích 15m ³ /bể - Kích thước 3 ngăn của bể: + Ngăn chứa: 2,3×1,0×2,3m + Ngăn lắng: 2,3×1,0×2,3m + Ngăn lọc: 2,3×0,8×2,3m	Đặt ngầm phía Tây Nam của chợ dưới khu vực nhà vệ sinh chung của chợ

Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở:

- Cơ sở đã đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải với công suất 70m³/ngày đêm bao gồm các bể: 01 hồ gom và tách rác, 01 bể điều hòa, 01 bể xử lý yếm khí, 01 bể anoxic, 01 bể xử lý hiếu khí, 01 bể lắng đứng, 01 bể khử trùng, 01 thiết bị hấp phụ hóa sinh, 01 bể trung chuyển, 01 bể nén bùn.

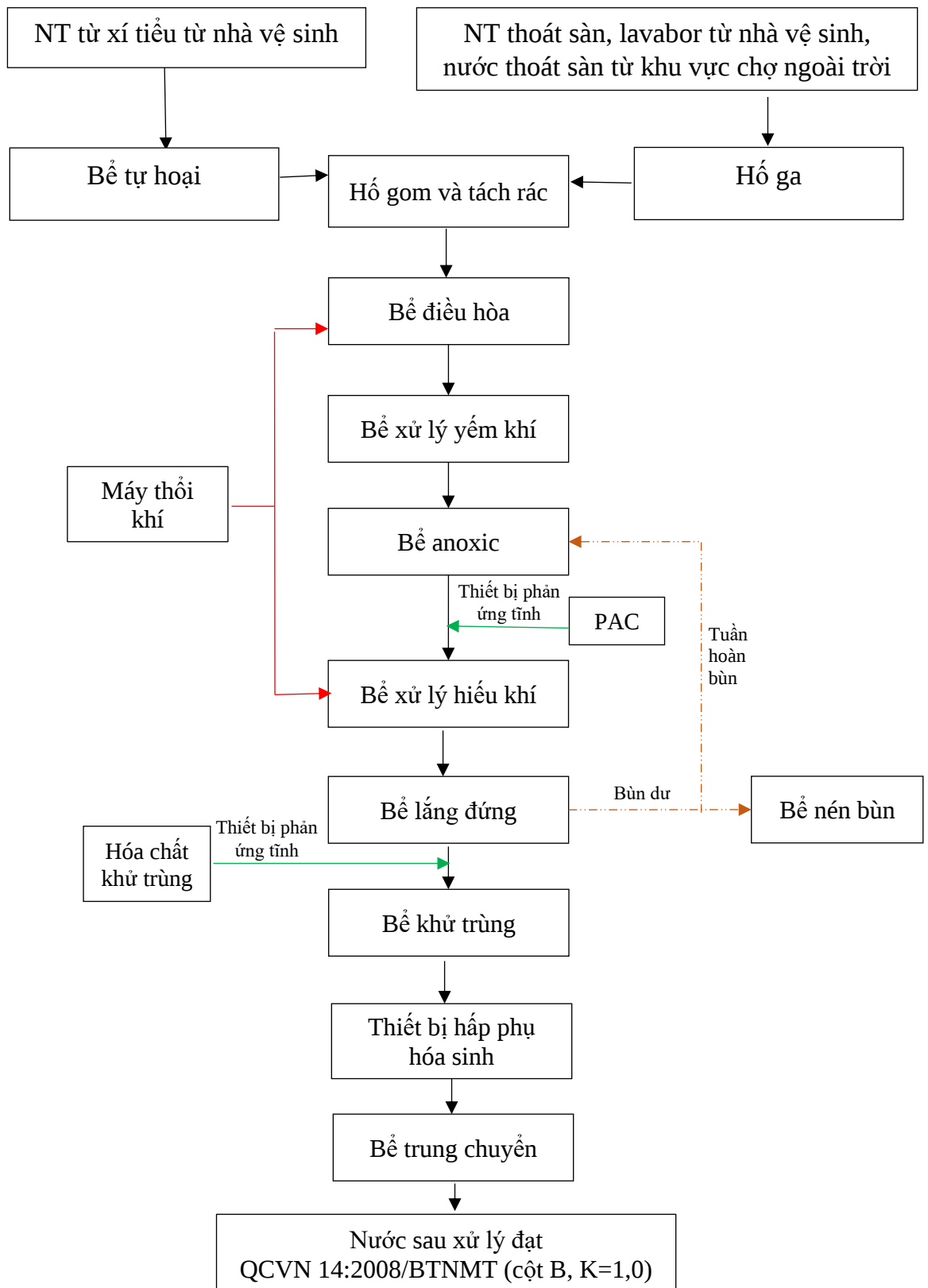
- Công nghệ áp dụng: Công nghệ xử lý AAO (yếm khí – thiếu khí – hiếu khí) đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1,0.

- Vị trí xây dựng trạm: Phía Tây Nam của cơ sở

- Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở được bắt đầu xây dựng vào tháng 12/2015 và hoàn thành xây dựng vào tháng 1/2016. Sau đó, cơ sở tiến hành thi công lắp đặt vật tư thiết bị, đường ống công nghệ, hệ thống điện và chạy thử hệ thống xử lý nước thải.

Hệ thống được bàn giao đưa vào sử dụng theo biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng ngày 28/01/2016. Từ khi đưa vào sử dụng, trạm xử lý nước thải hoạt động bình thường, chưa phát sinh sự cố.

- Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của cơ sở:



Hình 3. 7. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của chợ Cầu Bươu

Thuyết minh công nghệ:

- **Hố gom và tách rác:** Hố gom và tách rác có chức năng thu toàn bộ nước thải của chợ và tách sơ bộ các rác thải ban đầu trước khi chảy sang các bể tiếp theo.

- **Bể điều hòa:**

Bể điều hòa được thiết kế với thời gian lưu đủ lớn để cân bằng về lưu lượng và nồng độ các thành phần ô nhiễm có trong nước thải. Một số ưu điểm của việc thiết kế bể điều hòa cụ thể như sau:

+ Lưu trữ nước thải phát sinh vào những giờ cao điểm và phân phối đều cho các bể xử lý phía sau.

+ Kiểm soát các dòng nước thải có nồng độ ô nhiễm cao.

+ Tránh gây quá tải cho các quá trình xử lý phía sau.

+ Có vai trò là bể chứa nước thải khi hệ thống dừng lại để sửa chữa hay bảo trì.

Có hệ thống phân phối khí được lắp đặt trong bể giúp khuấy trộn đều nước thải, tránh tạo điều kiện cho quá trình phân hủy sinh học kỵ khí do đó không phát sinh mùi hôi.

- **Bể xử lý yếm khí:** Nước thải từ bể điều hòa được bơm sang bể xử lý yếm khí, tại đây diễn ra quá trình phân hủy các chất hữu cơ bởi các vi sinh vật. Để nâng cao nồng độ vi sinh vật trong bể được bố trí các tấm đệm vi sinh, đệm này có tác dụng là nơi cư trú của vi sinh vật. Đồng thời các tấm đệm vi sinh này có tính hoạt hóa của vi sinh vật đối với thành phần hữu cơ gây ô nhiễm trong nước làm tăng khả năng phân hủy các chất hữu cơ, nâng cao hiệu quả xử lý. Nước thải sau đó được chảy sang bể Anoxic.

- **Bể Anoxic:** Có nhiệm vụ khử nitơ nhờ các vi khuẩn. Các vi khuẩn hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng lơ lửng do tác động của dòng chảy. Vi sinh vật thiếu khí phát triển sinh khối bằng cách lấy các chất ô nhiễm làm thức ăn. Việc lắp đặt tấm đệm vi sinh sẽ làm tăng mật độ vi sinh có mặt trong nước thải để xử lý các chất ô nhiễm. Sau đó nước thải chảy qua thiết bị phản ứng tĩnh được bổ sung hóa chất PAC sang bể xử lý hiếu khí.

- **Bể xử lý hiếu khí:** Quá trình xử lý hiếu khí diễn ra nhờ vào lượng oxy hòa tan trong nước với một lượng oxy thích hợp được cung cấp bởi máy thổi khí đặt cạn qua hệ thống đĩa phân phối khí để phân hủy các chất hữu cơ (BOD, COD) có trong nước thải. Trong bể này, các vi sinh vật tồn tại ở dạng lơ lửng sẽ hấp thụ oxy, chất hữu cơ và sử dụng chất dinh dưỡng là Nitơ và photpho để tổng hợp tế bào mới và giải phóng năng lượng. Ngoài quá trình tổng hợp tế bào mới còn tồn tại phản ứng phân hủy nội sinh làm giảm lượng bùn hoạt tính. Tuy nhiên quá trình tổng hợp tế bào mới vẫn chiếm ưu thế do trong bể duy trì các điều kiện tối ưu, vì vậy lượng bùn hoạt tính sinh ra nhiều. Để tăng hiệu quả xử lý, trong bể xử lý hiếu khí có lắp thêm tấm đệm vi sinh để vi sinh vật hiếu khí bám dính sinh sôi phát triển. Như vậy, quá trình xử lý hiếu khí không những loại bỏ những tạp chất hữu cơ (BOD, COD) mà còn loại bỏ được một phần Nitơ và photpho trong nước thải nhờ quá trình tổng hợp tế bào mới. Đồng thời được bổ sung hóa chất trợ lắng PAC thông qua thiết bị phản ứng tĩnh. Nước thải sau quá trình xử lý sinh học tiếp tục chảy vào bể lắng đứng.

- **Bể lắng đứng:** Hỗn hợp bùn/nước trong bể xử lý hiếu khí sẽ được dẫn sang bể lắng đứng. Tại đây bùn nước được tách ra, bùn (cặn vi sinh) được lắng xuống đáy bể bằng cơ chế lắng trọng lực. Phần nước sau khi lắng chảy sang bể khử trùng. Một phần bùn sẽ được tuần hoàn lại bể anoxic giúp ổn định nồng độ bùn hoạt tính tránh thất thoát lượng vi sinh, phần bùn dư sẽ được bơm về bể nén bùn.

- **Bể khử trùng:** Nước thải được dẫn sang bể khử trùng. Tại bể này hóa chất khử trùng NaOCl sẽ được bơm vào nhờ bơm định lượng hóa chất và hòa trộn với nước thải thông qua thiết bị phản ứng tĩnh. Hóa chất khử trùng sẽ loại bỏ các tác nhân gây bệnh hay các vi sinh vật có trong nước thải. Nước thải sau khi xử lý tại bể khử trùng sẽ được bơm qua thiết bị hấp phụ hóa sinh.

- **Thiết bị hấp phụ hóa sinh:** là loại bồn lọc áp lực dạng đứng, bên trong có chứa các lớp vật liệu lọc như cát, sỏi sẽ giúp loại bỏ hoàn toàn các tạp chất, chất rắn lơ lửng trong nước thải. Sau khoảng 1 tuần cặn dính bám trên bề mặt lớp vật liệu lọc ở những lớp trên cùng và chúng được lấy ra bằng phương pháp rửa lọc, cặn bẩn sẽ được xối tung lên và các hạt vật liệu va chạm, ma sát vào nhau sẽ tự làm sạch bề mặt của chúng, nước rửa lọc được đưa về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau khi đi qua thiết bị hấp phụ hóa sinh sẽ được đưa về bể trung chuyển.

- **Bể trung chuyển:** Nước thải sau xử lý sẽ được đưa về bể này. Từ đây nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1,0 sẽ được xả ra môi trường.

- **Bể nén bùn:** Bùn dư từ quá trình xử lý sẽ được đưa về bể nén bùn. Bùn thải sẽ được hút bỏ định kỳ xử lý bởi đơn vị có chức năng.

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt - Cột B từ bể trung chuyển chứa nước sau xử lý sẽ tự chảy theo đường ống PVC D200, cống BTCT D600 ra mương thoát nước chung của khu vực cạnh đường Phan Trọng Tuệ phía Bắc dự án.

- Kết cấu các bể bê tông cốt thép có phụ gia chống thấm; trát thành bể và láng đáy bể bằng vữa xi măng M75.

* Các hạng mục, thông số kỹ thuật của công trình xử lý nước thải tập trung được tổng hợp như sau:

Bảng 3. 4. Các thông số kỹ thuật của công trình trạm xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị	Thông số kỹ thuật		Ghi chú
				Kích thước	Vật liệu	
1	Hố gom và tách rác	01	Bể	Bể 3 ngăn, Thể tích V = 14,08m ³ KT: L×B×H = 3,2×2,2×2,0m	BTCT	Có trang bị song chắn rác
2	Bể điều hòa	01	Bể	Thể tích V = 6,40m ³ KT: L×B×H = 3,2×1,0×2,0m	BTCT	
3	Bể xử lý yếm khí	01	Bể	Thể tích V = 7,84m ³ KT: L×B×H = 2,8×1,4×2,0m	BTCT	Giá đỡ đệm vi sinh KT: 2,8×1,4×1,0m
4	Bể Anoxic	01	Bể	Thể tích V = 8,96m ³	BTCT	Giá đỡ đệm vi sinh

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

TT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị	Thông số kỹ thuật		Ghi chú
				Kích thước	Vật liệu	
				KT: L×B×H =2,8×1,6×2,0m		KT: 2,8×1,6×1,0m
5	Bể xử lý hiếu khí	01	Bể	Thể tích V = 16m ³ KT: L×B×H =3,2×2,5×2,0m	BTCT	Giá đỡ đệm vi sinh KT: 3,2×2,5×1,0m
6	Bể lắng đứng	01	Bể	Thể tích V = 12,10m ³ KT: L×B×H =3,2×1,89×2,0m	BTCT	
7	Bể khử trùng	01	Bể	Thể tích V = 3,30m ³ KT: L×B×H =1,5×1,1×2,0m	BTCT	
8	Bể trung chuyển	01	Bể	Thể tích V = 7,20m ³ KT: L×B×H =2,4×1,5×2,0m	BTCT	
9	Bể nén bùn	01	Bể	Thể tích V = 3,60m ³ KT: L×B×H =1,5×1,2×2,0m	BTCT	

Danh mục các thiết bị lắp đặt cho trạm xử lý được thống kê trong bảng dưới đây:

Bảng 3. 5. Danh mục các thiết bị sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải

STT	Thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Thông số kỹ thuật	Vị trí lắp đặt
1	Đệm vi sinh	25	m ³	Hộp chất PVC cao phân tử; KT:50×50×100 cm; Diện tích bề mặt riêng 260 m ² /m ³ Xuất xứ: Việt Nam	Bể xử lý yếm khí; Bể anoxic; Bể xử lý hiếu khí.
2	Thiết bị hấp phụ hóa sinh	1	Bộ	Vật liệu: Inox Sus 304, dày 2mm Kích thước: D×H=800×2400 (mm) Vật liệu lọc: sỏi lọc kích thước 2-4mm; cát thạch anh kích thước 1-2mm Xuất xứ: Việt Nam	Nhà điều hành
3	Thiết bị lắng đứng có ống điều hòa lưu lượng trung tâm	1	Bộ	Vật liệu: Inox Sus 304, dày 1mm; D=300mm, H=1300mm Chế tạo tại Việt Nam	Bể lắng đứng
4	Máy thổi khí cạn	2	Cái	Q = 120m ³ /h P = 4 kW; 380 V Xuất xứ: Hiệu Trundean – Đài Loan	Nhà điều hành
5	Bơm nước thải chìm	4	Cái	Q = 6 - 8 m ³ /h; P = 0,55 kW; 220 V H = 5 – 8 m Model: FEKA 600MA 220/240/50 05H05	Hố gom và tách rác; Bể điều hòa

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CÀU BƯƠU”

STT	Thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Thông số kỹ thuật	Vị trí lắp đặt
				Xuất xứ: hiệu DAB-Italia	
6	Bơm nước thải cạn	2	Cái	Q = 6 - 8 m ³ /h; P = 0,55kW; 220V H = 8 – 10 m Model: FEKA 600TNA 400/50 05H07 Xuất xứ: hiệu DAB-Italia	Nhà điều hành
7	Tủ điện kỹ thuật nội trạm	1	Hệ thống	Việt Nam liên doanh	Nhà điều hành
8	Giá đỡ đệm vi sinh	3	Bộ	Vật liệu: Hộp Inox Sus 304; kích thước 12×12×6000mm Xuất xứ: Việt Nam	Bể xử lý yếm khí; Bể anoxic; Bể xử lý hiếu khí
9	Đường ống nội trạm	1	Hệ thống	Ống nhựa PVC D60 - 27	-
10	Đường ống phân phối khí	1	Hệ thống	Ống nhựa PPR D40 - 20	-
11	Đĩa phân phối khí	20	Đĩa	Dạng tròn (Đài Loan)	Bể điều hòa; Bể xử lý hiếu khí
12	Thiết bị phản ứng tĩnh Inox	2	Bộ	Vật liệu: Inox Sus 304, dày 2mm KT: D×L = 100×800mm Xuất xứ: Việt Nam	Bể Anoxic và bể khử trùng
13	Bơm định lượng hóa chất EU – G7	2	Cái	Q = 1-14 l/h P = 37,5W; 220V Model: X100-XB-BAAC165 Xuất xứ: Hiệu Pulsafeeder – Mỹ	Nhà điều hành
14	Thùng chứa hóa chất	2	Thùng	Thùng nhựa 500 lít Xuất xứ: Việt Nam	Nhà điều hành
15	Bơm bùn chìm	2	Cái	Q = 6 - 8 m ³ /h; P = 0,55 kW; 220 V H = 5 – 8 m Xuất xứ: hiệu DAB-Italia	Bể lắng đứng

*** Nhu cầu sử dụng hóa chất trong xử lý nước thải**

Lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở được ước tính trung bình như sau:

Bảng 3. 6. Khối lượng hóa chất sử dụng thực tế trong xử lý nước thải tại cơ sở

TT	Tên hóa chất	Định mức	Khối lượng sử dụng (kg/ngày)	Mục đích
			Công suất tối đa (70m ³ /ngày)	
1	PAC	2,85g/1m ³	0,2	Chất keo tụ, trợ lắng giúp kết tủa các chất lơ lửng trong nước thải
2	NaOCl	5g/1m ³	0,35	Khử vi khuẩn có trong nước thải

** Định mức tiêu hao điện năng của trạm xử lý nước thải*

Điện năng tiêu hao của trạm xử lý nước thải chủ yếu phục vụ cho các máy bơm, máy thổi khí, năng lượng tiêu hao của hệ thống được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 7. Định mức tiêu hao năng lượng của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Mức điện năng (kW)	Số giờ hoạt động (giờ)	Điện tiêu thụ (kWh)	Ghi chú
1	Máy thổi khí	2	4	12	96	Hoạt động luân phiên
2	Bơm chìm nước thải	4	0,55	6	13,2	
3	Bơm nước thải cạn	2	0,55	6	6,6	
4	Bơm định lượng	2	0,0375	6	0,45	
5	Bơm bùn chìm	2	0,55	1	1,1	
Tổng					117,35	

Vậy trạm xử lý nước thải của cơ sở khi đạt 100% công suất thiết kế khoảng 117,35 kWh/ngày.

** Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của cơ sở*

a. Phương án vận hành ở mức 100% công suất

- Yêu cầu trước khi vận hành:

+ Kiểm tra các phao nước và các van điều khiển đường ống cấp khí, đường ống bơm nước, đường ống hút bùn trong hệ thống, nhằm đảm bảo tín hiệu làm việc toàn hệ thống ở trạng thái tốt nhất.

+ Vệ sinh song chắn rác: nhằm loại bỏ rác thải lớn gây tắc song chắn rác. Nếu rác phát sinh đầy song chắn rác dẫn đến rác thải đi vào hệ thống xử lý gây tắc các thiết bị ảnh hưởng đến hoạt động của toàn hệ thống.

+ Quan sát mực nước tại bể điều hòa.

+ Kiểm tra nguồn điện, tủ điện, các thiết bị vận hành.

+ Kiểm tra và pha chế hóa chất để đảm bảo đủ hóa chất trong quá trình xử lý.

+ Kiểm tra máy thổi khí, giá trị cài đặt trên các bơm định lượng, chỉnh lưu lượng (nếu cần) khi bơm đang hoạt động.

Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống.

- Các bước vận hành hệ thống (áp dụng hàng ngày)
 - + Kiểm tra tình trạng máy khi đang hoạt động: thăm nhót và tiếng kêu, dòng điện làm việc của tất cả các máy.
 - + Kiểm tra mức độ đồng đều của dàn cấp khí bể điều hòa và bể xử lý hiếu khí.
 - + Pha hóa chất
 - + Kiểm tra bùn ở bể lắng nếu thấy hiện tượng bùn nổi phải dùng nước sạch xịt phá bùn nổi để bùn chìm xuống, nếu xịt nước không hết thì phải vớt thủ công.
 - + Ghi nhật ký vận hành mỗi ngày
- Các chế độ vận hành:

Vận hành ở chế độ tự động: Trên hệ thống tủ điện điều khiển gạt nút điều khiển về chế độ tự động (AUTO, đèn báo chạy màu xanh (RUN), đèn báo sự cố màu vàng (ALARM). Các thiết bị được lắp đặt chạy theo hệ thống phao điện đặt trong bể và chạy theo Role, nguyên lý vận hành các máy móc thiết bị trong hệ thống:

- Máy bơm chìm nước thải ở hố gom và tách rác:
 - + Số lượng: 02 cái, hoạt động luân phiên
 - + Vị trí: hố gom và tách rác.
- + Hoạt động theo tín hiệu phao đo mực nước đặt tại hố gom và tách rác, đảo bơm theo thời gian (60 phút/lần). Khi bơm chìm chạy thì bơm định lượng PAC chạy. Bơm này cần được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ 1 tuần/lần, hàng ngày vệ sinh rọ chắn rác tại bể.
- Máy bơm chìm nước thải ở bể điều hòa:
 - + Số lượng: 02 cái, hoạt động luân phiên
 - + Vị trí: bể điều hòa
- + Hoạt động theo tín hiệu phao đo mực nước đặt tại bể điều hòa, đảo bơm theo thời gian (60ph/lần). Bơm này cần được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ 1 tháng/lần
- Máy thổi khí:
 - + Số lượng: 02 cái
 - + Vị trí: Nhà điều hành
- + Hoạt động theo tín hiệu Role thời gian. Hiện thị trạng thái hoạt động của thiết bị bằng đèn báo chạy màu xanh. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy thổi khí 1 tháng/lần
- Máy bơm nước thải cạn:
 - + Số lượng: 02 cái, hoạt động luân phiên
 - + Vị trí: Nhà điều hành
- + Hoạt động theo tín hiệu phao đo mực nước đặt tại bể khử trùng, đảo bơm theo thời gian (60 phút/lần). Khi bơm cạn chạy thì bơm định lượng hóa chất khử trùng chạy
- Bơm định lượng:
 - + Số lượng: 02 cái.
- + Hoạt động dựa trên tín hiệu từ bơm ở hố gom và tách rác (đối với bơm định lượng PAC), đối với bơm định lượng hóa chất khử trùng hoạt động dựa trên tín hiệu từ bơm cạn.

- Bơm bùn tại bể lắng đứng:
- + Số lượng: 02 cái
- + Vị trí: bể lắng đứng
- + Hoạt động theo tín hiệu Role thời gian (30 phút/lần/ngày). Hiện thị trạng thái hoạt động của thiết bị bằng đèn báo chạy màu xanh. Thường xuyên kiểm tra định kỳ bơm bùn 1 tháng/lần

Chế độ vận hành bằng tay:

- Hệ thống xử lý nước thải vận hành không tự động trong các trường hợp như: khi có sự cố, sự rửa thiết bị... Trên hệ thống tủ điện chuyển vị trí công tắc xoay sang vị trí “MANU”. Khi cần thiết bị nào chạy MANU cần kiểm tra tình trạng thiết bị đi cùng đang hoạt động hay đang tắt. Tránh trường hợp 2 máy chạy chung đường ống cùng chạy đồng thời.

Hướng dẫn các thao tác vận hành:

- Pha hóa chất: Xả đầy nước vào thùng chứa hóa chất 500 lít bằng van nước sạch, rồi sau đó cho 5kg hóa chất khử trùng, PAC vào mỗi thùng chứa và mở khí trộn đều. Nhân viên vận hành chú ý lượng nước thải cần xử lý không ổn định lên thùng chứa hóa chất cần được kiểm tra hàng ngày.

- Sục rửa thiết bị hấp thụ hóa sinh: đóng van nước vào thiết bị, van nước ra thiết bị, van xả đáy thiết bị, van xả khí đóng và mở van sục ngược, van xả cạn ra rồi khởi động máy bơm cạn bằng công tắc ba chiều sang chế độ Manu trên tủ điện. Sau đó nước sẽ đi ngược từ dưới thiết bị lên và tràn lên đường xả cạn (nước rửa lọc được đưa về bể điều hòa tiếp tục xử lý). Sau khoảng 15 phút chạy bơm cạn thì kết thúc quá trình sục rửa thiết bị hấp phụ hóa sinh. Chuyển công tắc 3 chiều sang chế độ Auto và vận mở lại các van nước vào thiết bị, van nước ra thiết bị và vận đóng lại các van sục ngược, van xả cạn, van xả khí và tiếp tục quá trình xử lý.

- Hút bùn từ bể lắng đứng sang bể nén bùn: đóng van tuần hoàn bùn từ bể Anoxic và mở van thu bùn về bể nén bùn. Sau khi bơm bùn về đầy bể nén bùn đóng van thu bùn và mở lại van tuần hoàn bùn về bể Anoxic đợi khoảng 1 ngày cho bùn lắng xuống đáy bể nén bùn thì mở van nước lắng về bể lắng.

b. Trường hợp lượng nước về trạm xử lý dưới 50% công suất thiết kế

Khi lượng nước về trạm xử lý với lưu lượng dưới 50% lưu lượng thiết kế nếu trạm xử lý nước thải vẫn vận hành theo đúng quy trình đã định sẽ gây lãng phí, tiêu hao năng lượng, làm giảm hiệu quả kinh tế. Để khắc phục tình trạng này phải điều chỉnh trạm xử lý từ chạy tự động sang chạy bằng tay và trạm xử lý vận hành theo mẻ, với quy trình như sau :

Bước 1: Bật bơm bể điều hòa ở chế độ tự động. Tại bể điều hòa người vận hành quan sát lượng nước tại bể, khi nào lượng nước đầy bể tiến hành khởi động bơm sang bể xử lý yếm khí, các máy móc và hệ thống phía sau chạy vận hành theo bơm bể điều hòa.

Bước 2: Khi nước tại bể điều hòa cạn, các máy móc tại các bể phía sau sẽ ngưng hoạt động. Riêng bể xử lý hiếu khí vẫn cấp khí vào bể.

Chú ý: Người vận hành phải thường xuyên theo dõi các chỉ số BOD :N :P, pH tại các bể xử lý yếm khí, bể anoxic, bể xử lý hiếu khí để tiến hành bổ sung kịp thời đảm bảo pH trong khoảng tối ưu (6,5 – 7) và tỷ lệ BOD:N:P = 100 :5 :1.

Cách khắc phục do lưu lượng nước thải ít và phát sinh không thường xuyên trong thời gian dài dẫn đến trạm xử lý nước thải sẽ chạy non tải: cơ sở sẽ bổ sung dưỡng chất/mem vi sinh vào hệ thống theo định kỳ (bằng thủ công) để đảm bảo hoạt động của hệ thống. Pha vi sinh, dinh dưỡng với lượng nước bằng 1/3 thể tích bể anoxic khuấy đều sau đó đưa vào hệ thống và vận hành, trong thời điểm chạy non tải sẽ thực hiện theo chu kỳ 2 lần/tuần.

c. Trường hợp lượng nước về trạm xử lý nước thải vượt công suất thiết kế

Trường hợp nước thải về trạm xử lý nước thải vượt công suất thiết kế tiến hành chạy với quy trình sau :

- Chuyển toàn bộ trạng thái hoạt động của thiết bị sang trạng thái bằng tay.
- Tại hố gom và tách rác, bể điều hòa chạy đồng thời 02 bơm
- Tăng lượng khí cấp vào bể xử lý hiếu khí
- Tuần hoàn lại 100% lượng bùn tại bể lắng về bể anoxic, bể nén bùn.

*** Phương án giám sát lưu lượng, kiểm soát chất lượng nước đầu ra**

- Giám sát lưu lượng: Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, hằng ngày công nhân vận hành tiến hành ghi chép và nhật ký lưu lượng nước thải của chợ.

- Kiểm soát chất lượng nước đầu ra: Định kỳ 3 tháng/lần cơ sở kết hợp với đơn vị có đủ chức năng quan trắc và phân tích chất lượng nước sau xử lý để kiểm soát và có phương án kịp thời đảm bảo nước thải được xử lý đạt chuẩn trước khi xả ra môi trường.

*** Nhận xét**

Từ khi đi hoạt động hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m³/ngày.đêm hoạt động ổn định, chưa phát sinh sự cố.

Một số hình ảnh của trạm xử lý nước thải của cơ sở



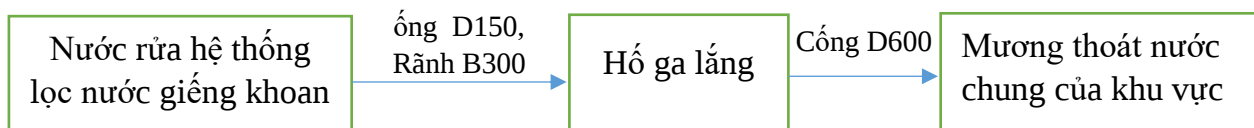


Hình 3. 8. Một số hình ảnh các bể xử lý của trạm xử lý nước thải tại cơ sở

*** Nước thải từ xúc rửa hệ thống xử lý nước dưới đất**

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải từ xúc rửa hệ thống xử lý nước dưới đất

Trong quá trình sử dụng nước giếng khoan cho mục đích sinh hoạt và sản xuất, định kỳ 1 tuần/lần cơ sở tiến hành xúc rửa các vật liệu lọc. Nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp (nước rửa hệ thống xử lý nước dưới đất) được thu gom bằng đường ống kẽm D150 dài 4m vào rãnh xây B300 dài 3m cống tròn BTCT D600 dài 65m, có bố trí hố ga lắng cặn, rồi thoát ra mương thoát nước thải của khu vực thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.



Hình 3.9. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải rửa hệ thống lọc nước giếng khoan

- Điểm xả nước thải từ xúc rửa hệ thống xử lý nước dưới đất

- Số lượng điểm xả thải: 01 điểm xả thải nằm ở phía Bắc của cơ sở

- Phương thức xả thải: Tự chảy

- Chế độ xả nước thải: Gián đoạn

- Lưu lượng xả nước thải từ xúc rửa hệ thống xử lý nước dưới đất là 2m³/ngày đêm.

- Vị trí xả nước thải trùng với vị trí xả nước mưa (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°) cụ thể như sau:

$$X = 2318192; Y = 584201$$

- Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

- Chất lượng nước thải: Nước thải sau xử lý của cơ sở có các chất ô nhiễm: Fe, Mn và giá trị các chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp áp dụng trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải tại chợ Cầu Bươu trong quá trình hoạt

động; khí thải phát sinh chủ yếu từ các phương tiện lưu thông và buôn bán trong khu vực chợ; mùi từ khu vực hoạt động dịch vụ ăn uống, mùi từ khu nhà vệ sinh công cộng, khu tập kết rác. Nhằm hạn chế ảnh hưởng của bụi, khí thải đến các tiểu thương và người dân trong khu vực chợ, Ban quản lý chợ thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

** Giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện lưu thông và buôn bán trong khu vực:*

- Bố trí khu vực bãi đậu xe, nhân viên hướng dẫn ra vào chợ hợp lý, tránh ùn tắc giao thông và cấm các phương tiện lưu thông trong khu vực chợ vào giờ cao điểm.
- Tuyên truyền, khuyến khích người dân đỗ xe vào đúng nơi quy định.
- Bê tông hóa toàn bộ sân đường giao thông nội bộ trong chợ, bố trí nhân viên vệ sinh quét dọn các khu vực buôn bán nhằm hạn chế bụi, mùi từ rác thải, nước tồn đọng tại cơ sở.
- Trồng cây xanh để tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch và góp phần làm giảm ô nhiễm không khí, bụi khu vực xung quanh.

** Giảm thiểu mùi từ khu vực hoạt động dịch vụ ăn uống*

- Khuyến khích các hộ kinh doanh hàng ăn uống sử dụng ga để đun nấu nhằm giảm phát sinh bụi và hơi khí độc ra môi trường xung quanh.
- Khuyến khích thiết kế khu bếp thông thoáng, vệ sinh sạch sẽ khu bếp sau khi nấu nướng.

** Giảm thiểu mùi từ khu vực nhà vệ sinh công cộng, khu tập kết rác*

- Bố trí nhà vệ sinh công cộng thành 2 khu riêng biệt dành cho nam và nữ gần hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để thuận tiện cho việc quản lý, đồng thời có nhân viên vệ sinh thường xuyên.
- Bố trí các lỗ thông gió đảm bảo thường xuyên cung cấp nguồn khí trong sạch, môi trường không khí xung quanh thông thoáng với bên ngoài.
- Các nắp cống, hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi.
- Nêu cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường bằng cách hướng dẫn các tiểu thương tại chợ bỏ rác vào thùng, đổ rác đúng nơi quy định, treo các biển hiệu môi trường tại các khu vực có mật độ kinh doanh cao, đặt các biển chỉ dẫn vệ sinh, thùng đựng rác tại các lối đi để khách hàng tự giác thực hiện.
- Điểm tập kết rác được bố trí ở vị trí thông thoáng và ngăn cách với khu vực buôn bán, được vệ sinh sạch sẽ ngay sau khi thu gom rác.

- Chủ cơ sở đã ký hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt với Công ty cổ phần môi trường đô thị Thanh Trì, thu gom rác thải hàng ngày, tránh trường hợp tồn đọng rác thải, từ đó phát sinh mùi gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí xung quanh (Theo hợp đồng số 09TTO/2024-2026/HĐDV-MTĐTTT ngày 30/12/2023 giữa Công ty Cổ phần xây dựng Hà Khánh và Công ty cổ phần môi trường đô thị Thanh Trì về việc thu gom và vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường dính kèm tại phụ lục báo cáo).

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

❖ **Chất thải rắn sinh hoạt**

- Nguồn phát sinh: Lượng rác thải phát sinh chủ yếu gồm rác thải sinh hoạt của nhân viên quản lý chợ, các tiểu thương kinh doanh và người dân đi chợ, rác thải phát sinh từ quá trình buôn bán, vận chuyển và phân loại hàng hóa tại chợ.

- Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại chợ khi chợ hoạt động với công suất tối đa 100% (437 hộ kinh doanh): Theo TCVN 9291:2012 chợ - Tiêu chuẩn thiết kế, lấy trung bình một hộ kinh doanh phát sinh trung bình 2 kg/ngày thì khối lượng CTR phát sinh:

$$437 \times 2 = 874 \text{ kg/ngày tương đương } 26,22 \text{ tấn/tháng}$$

- Khối lượng CTR sinh hoạt hiện tại phát sinh tại chợ trung bình khoảng 6,5 tấn/tháng = 6.500kg/tháng tương đương 217 kg/ngày (Theo biên bản xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành về việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường quý I/2024- Quý I/2025 giữa Công ty Cổ phần xây dựng Hà Khánh và Công ty cổ phần môi trường đô thị Thanh Trì đính kèm tại phụ lục báo cáo).

* Phương án thu gom và lưu giữ như sau:

- Các hộ kinh doanh tự trang bị các loại thùng để đựng rác thông thường phát sinh tại quầy hàng, ki ốt, khu vực kinh doanh của mình.

+ Đối với chất thải rắn có thể tái chế được như bìa cát tông, giấy in, vỏ chai nhựa... sẽ được bán cho đơn vị thu gom.

+ Đối với nhóm chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng có nguồn gốc từ thực phẩm, các hộ kinh doanh sẽ tự thu gom mang về làm thức ăn chăn nuôi hoặc cho các hộ gia đình có nhu cầu về làm thức ăn chăn nuôi.

+ Đối với chất thải khác không có khả năng tái chế, tái sử dụng vào cuối ngày các hộ kinh doanh phát sinh rác thải có trách nhiệm thu gom vận chuyển đến khu tập kết rác của cơ sở.

- Đối với rác thải sân đường, bãi đỗ xe: Bố trí các thùng rác thể tích 100lit tại các vị trí hợp lý để thuận tiện cho việc thu gom rác thải và chất thải rắn. Nhân viên vệ sinh của chợ dọn vệ sinh khu vực Chợ với tần suất 1 lần/ngày đặc biệt với những khu vực kinh doanh các mặt hàng tươi sống, thực phẩm, hoa quả ... tần suất thu dọn có thể tăng lên 2 lần/ngày; Thời gian thu dọn: vào cuối ngày, lúc chợ vắng khách.

- Khu tập kết rác thải được bố trí tại phía Đông Nam gần bãi đỗ xe với diện tích khoảng 10m², có mái tôn, nền bê tông xi măng. Tại đây bố trí 03 xe rác đẩy tay dung tích 500 lít. Cụ thể rác thải sinh hoạt sẽ được phân loại như sau:

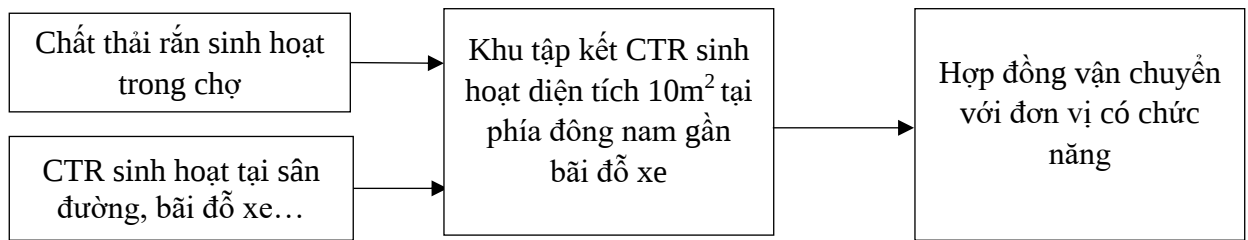
+ Thùng rác số 1: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;

+ Thùng rác số 2: Chất thải thực phẩm;

+ Thùng rác số 3: Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển rác thải và chất thải rắn của chợ đến nơi quy định: Chủ cơ sở đã ký hợp đồng số 09TTO/2024-2026/HĐDV-MTĐTTT với Công ty cổ phần Môi trường đô thị Thanh Trì về việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường. Tần suất thu gom CTR sinh hoạt: Hàng ngày.

- Tuyên truyền, nhắc nhở tất cả các hộ kinh doanh trong chợ không được vứt rác bừa bãi, đổ rác đúng nơi quy định và bảo thời điểm nhất định



Hình 3. 10. Sơ đồ thu gom rác thải tại cơ sở



Hình 3. 9. Hình ảnh khu tập kết CTR sinh hoạt tại cơ sở

❖ **Chất thải rắn thông thường**

- *Nguồn phát sinh:*

- + Bùn thải từ bể tự hoại
- + Bùn thải từ trạm xử lý nước thải

- *Khối lượng chất thải rắn thông thường:*

+ Bùn thải từ bể tự hoại: Phát sinh từ các khu vệ sinh sau một thời gian tích lũy trong bể tự hoại, lượng bùn này cần được hút 80% để đảm bảo bể tự hoại hoạt động đạt hiệu quả cao.

Vậy toàn bộ cơ sở ước tính bùn từ bể tự hoại khoảng

$$(3\text{m}^3 \times 80\%) \times 97 \text{ bể} + (15\text{m}^3 \times 80\%) \times 1 \text{ bể} = 245\text{m}^3$$

Với 1m^3 bùn bể phốt = 1,6 tấn thì lượng bùn thải từ bể tự hoại cần xử lý là:

$$245 \times 1,6 = 392 \text{ tấn/năm} = 32.667 \text{ kg/tháng}$$

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước thải:

Các thông số vận hành:

Tổng lượng nước thải tối đa phát sinh: $Q_t = 70\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

Nồng độ $\text{BOD}_{\text{ra}} = 50 \text{ mg/l} \Rightarrow S = 50$.

Nồng độ $\text{TSS}_{\text{ra}} = 100 \text{ mg/l}$.

Cặn hữu cơ, $a = 75\%$.

Độ tro, $z = 0,3$ (tính toán thiết kế HTXLNT – Trịnh Xuân Lai)

Lượng bùn hoạt tính trong nước thải ở đầu vào bể, $X_0 = 0$.

Nồng độ bùn hoạt tính: $X = 3000 - 5000 \text{ mg/l}$, chọn $X = 5000 \text{ mg/l}$.

Thời gian lưu bùn trong công trình, $\theta_c = 5 - 15$ ngày, chọn $\theta_c = 10$ ngày.

Hệ số phân hủy nội bào: $K_d = 0,06$ ngày⁻¹

Hệ số sản lượng bùn $Y = 0,4-0,8$ mg VSS/mg BOD₅, chọn $Y = 0,6$ mg VSS/mg BOD₅.

Tốc độ tăng trưởng của bùn: $Y_{obs} = \frac{Y}{1+K_d \times \theta_c} = \frac{0,6}{1+0,06 \times 10} = 0,375$

Lượng bùn thải phát sinh từ quá trình phân hủy BOD₅:

$$P_x = \frac{Y_{obs} \times Q \times (S_0 - S)}{1000} = \frac{0,375 \times 70 \times (220 - 50)}{1000} = 4,46 \text{ kg/ngày}$$

Tổng lượng cặn sinh ra trong 1 ngày:

$$P_{1x} = \frac{P_x}{1-z} = \frac{4,46}{1-0,3} = 6,38 \text{ (kg/ngày)}$$

Lượng cặn dư xả ra hàng ngày:

$$P_{xa} = P_{1x} - P_{ra}$$

$$\text{Với } P_{ra} = SS_{ra} \times Q = 100 \times 10^{-3} \times 70 = 7 \text{ (kg/ngày)}$$

=> Lượng bùn thải hệ thống xử lý nước thải cần xử lý:

$$P_{xa} = 7 - 6,38 = 0,62 \text{ (kg/ngày)} \approx 19 \text{ (kg/tháng)}$$

→ Tổng khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở cụ thể như sau:

$$32.667 + 19 = 32.686 \text{ kg/tháng}$$

- Công tác thu gom, lưu giữ, xử lý:

+ Bùn thải từ bể tự hoại: được lưu giữ tại các bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm tại cơ sở (gồm có 98 bể tự hoại trong đó: 97 bể $V=3\text{m}^3/\text{bể}$ + 01 bể $V=15\text{m}^3$). Định kỳ 1 năm/lần hoặc theo tình hình thực tế phát sinh sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đi thu gom, vận chuyển đi xử lý.

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước thải được lưu chứa tại bể nén bùn có thể tích $3,6\text{m}^3$ (kích thước $L \times B \times H = 1,5 \times 1,2 \times 2,0\text{m}$) trong trạm xử lý nước thải đặt phía Tây Nam của chợ. Định kỳ 1 năm/lần sẽ chuyển giao bùn cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Riêng đối với gia súc/gia cầm chết do nhiễm bệnh sẽ do chủ gian hàng có trách nhiệm tự tiêu hủy và chi phí khử trùng cho các gian hàng xung quanh nhằm đảm bảo không để dịch bệnh lây nhiễm sang các khu vực khác. Chủ cơ sở sẽ đưa nội dung về đảm bảo chất lượng gia súc/gia cầm được kinh doanh tại chợ đáp ứng đủ yêu cầu về kiểm dịch trong hợp đồng mua bán/thuê gian hàng kinh doanh loại mặt hàng này cùng với đó trong quy định hoạt động của chợ cũng sẽ thể hiện nội dung tương tự.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh

- Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại của cơ sở phát sinh chủ yếu từ hoạt động kinh doanh hàng ngày của các tiểu thương.

- Thành phần chủ yếu như sau: bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì cứng thải bằng nhựa, hộp mực in thải... với khối lượng phát sinh thực tế rất ít chỉ khoảng 12kg/năm.

Bảng 3. 8: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã CTNH (**)	Đơn vị	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg/năm	1
2	Pin, Ắc quy thải	16 01 12	Kg/năm	2
3	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg/năm	3
4	Bao bì cứng thải chứa thành phần nguy hại	18 01 03	Kg/năm	6
Tổng				12

Trong đó: (**) Mã chất thải nguy hại quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Lưu giữ:

Các CTNH phát sinh tại cơ sở được thu gom vào 4 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy thể tích 120lit/thùng, dán tên và mã CTNH theo quy định. Khu lưu giữ chất thải nguy hại có nền đổ bê tông, láng xi măng và biển báo theo quy định.

Bố trí kho lưu giữ tạm thời CTNH diện tích 5m² phía Đông Nam dự án cạnh bãi đỗ xe. Cơ sở đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

Tần suất thu gom: khi khối lượng đủ nhưng không quá 12 tháng/lần.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh:

- Tiếng ồn phát sinh do các hoạt động của cơ sở như sau:

+ Hoạt động các phương tiện tham gia vận chuyển hàng hóa ra vào chợ, loa đài quảng cáo buôn bán.

+ Hoạt động của các máy thổi khí khu vực hệ thống xử lý nước thải;

Đối với tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện tham gia vận chuyển (hàng hóa, nguyên vật liệu, sản phẩm), phương tiện giao thông đi lại của tiểu thương, khách mua hàng (xe máy, xe ô tô),... Dự báo mức độ ồn do phương tiện giao thông gây ra là khoảng 62dBA (ở khoảng cách 100m) và 55,7-55,9 dBA (với khoảng cách 300m) vẫn thấp hơn so với giới hạn cho phép (QCVN 26:2010/BTNMT, mức giới hạn cho phép 70 dBA).

Đối với hoạt động của máy thổi khí khu vực trạm xử lý nước thải là không đáng kể khi máy được đặt trong nhà điều hành, cùng với đó trạm xử lý nước thải được đặt cuối chợ.

b. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Vị trí xây dựng chợ được quy hoạch nằm cách xa trường học, bệnh viện, công sở và các công trình yêu cầu cách ly tiếng ồn. Tuy nhiên để hạn chế ảnh hưởng đến xung quanh, chủ cơ sở đã và sẽ tiến hành các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như sau:

- Bố trí cây xanh xung quanh chợ nhằm giảm tiếng ồn từ các hoạt động của chợ đến khu vực dân cư xung quanh.

- Yêu cầu các xe chở hàng hóa vào khu vực chợ đáp ứng đủ tải trọng nhằm giảm độ rung.

- Tuyên truyền, nhắc nhở các tiểu thương và người tiêu dùng về việc sử dụng các loa đài quảng cáo, hạn chế dùng còi xe trong khuôn viên chợ...

- Thường xuyên kiểm tra sự cân bằng, kiểm tra độ mòn các chi tiết và thực hiện chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc theo định kỳ.

c. Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình hoạt động

** Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:*

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín an toàn nhất.

- Thay thế đường ống thoát nước bị hỏng.

** Đối với sự cố trạm xử lý nước thải:*

Khi trạm xử lý nước thải gặp phải sự cố trong quá trình vận hành điều đầu tiên người vận hành phải xác định hiện tượng, khu vực bị sự cố và thiết bị đang bị sự cố trong trạm xử lý. Sau khi đã xác định được sự cố kể trên thì người vận hành tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu về mức độ nặng nhẹ của sự cố.

- **Đối với sự cố mức độ nhẹ:** Nhảy rơle nhiệt, mất điện đột ngột dẫn đến trạm bị ngưng, máy không hoạt động... cách giải quyết như sau:

+ Kiểm tra chính xác máy bị sự cố: đo dòng làm việc, đo độ dẫn điện, điện trở, lưu lượng, cột áp.

+ Kiểm tra rơle nhiệt trong tủ điện điều khiển, nếu bị nhảy thì cần đo lại dòng làm việc của máy so sánh với dòng định mức sau đó hiệu chỉnh lại.

- **Đối với sự cố mức độ nặng:** Khi trạm gặp sự cố ở mức độ nặng nằm ngoài khả năng xử lý của người vận hành thì cần thực hiện theo chỉ dẫn sau:

+ Xác định nguyên nhân gây ra sự cố.

+ Xác định khu vực bị sự cố (cục bộ hay trên diện rộng, một thiết bị hay nhiều thiết bị), nếu sự cố đó ảnh hưởng lớn thì phải ngưng ngay hệ thống tránh trường hợp hỏng theo dây truyền. Nếu chỉ một thiết bị gặp sự cố mà không gây ảnh hưởng lớn đến quá trình kiểm tra thì phải chuyển chế độ hoạt động sang chế độ điều chỉnh bằng tay (MANU) và chỉ sử dụng các thiết bị còn hoạt động được để cho thiết bị hư hỏng không phải chịu sự điều khiển của hệ thống điều khiển tự động. Ngay sau đó phải sửa chữa thiết bị hư hỏng.

+ Ban quản lý chợ theo dõi nắm bắt tình hình hoạt động, hiệu quả của công trình thu gom, xử lý nước thải. Thông báo tới lãnh đạo công ty kịp thời khi có sự cố xảy ra.

+ Viết báo cáo trong sổ vận hành ghi rõ nguyên nhân xác định được để tránh

trường hợp tương tự xảy ra.

+ Trường hợp xảy ra sự cố không thể sửa chữa trong ngày, trạm xử lý nước thải phải ngừng hoạt động, không xả nước thải chưa đạt yêu cầu ra ngoài môi trường. Nước thải tạm thời lưu giữ tại các bể của trạm xử lý nước thải. Khi bể chứa đầy (vượt quá ngưỡng an toàn của bể) hoặc quá thời gian lưu chứa mà chưa khắc phục được sự cố, Chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Trường hợp nước sau xử lý vượt quy chuẩn trước khi xả vào nguồn tiếp nhận thực hiện các bước sau:

+ Tại đường ống xả sau xử lý, khóa van thoát nước sau xử lý.

+ Kiểm tra đo đạc lại các chỉ tiêu trong các bể xử lý tìm kiếm nguyên nhân và khắc phục sự cố.

+ Tiến hành xử lý lại lượng nước thải chưa đạt yêu cầu đến khi chất lượng nước đạt quy chuẩn xả thải mở lại van thoát nước sau xử lý. Nước thải tạm thời lưu giữ tại các bể của trạm xử lý nước thải. Trong trường hợp bể chứa không còn khả năng chứa thì đơn vị vận hành sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút và đưa đi xử lý.

- Tổng hợp một số sự cố có thể xảy ra:

Bảng 3. 9. Một số sự cố thường gặp và biện pháp khắc phục liên quan đến máy móc thiết bị

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Sự cố của tủ điện	- Quá tải bơm, rơ le nhiệt tác động, nguồn điện quá thấp hoặc quá cao. - Giá trị role nhiệt đang đặt ở mức nhỏ hơn dòng định mức của động cơ.	- Toàn bộ nước thải được bơm về bể điều hòa của trạm. Sau đó tiến hành kiểm tra như sau: + Xem cánh bơm có bị kẹt hay không, có bùn, rác thải làm kẹt cánh hay không (kiểm tra áp suất nước đầu ra của đường ống). + Điều chỉnh giá trị của role nhiệt bằng 1,2-1,5 lần giá trị định mức của động cơ điện. - Kiểm tra cánh bơm có bị kẹt không, rác bẩn có làm kẹt cánh bơm hay không. - Xem mực nước trong bể chứa có quá cạn hay không - Xem lại nguồn cấp điện có đủ điện hay không. Nếu đủ mới cho bơm làm việc. - Đồng thời sửa chữa thiết bị.
2	Sự cố lỗi bơm	- Điện nguồn mất pha đưa vào motor. - Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng. - Hộp giảm tốc bị thiếu dầu, mỡ ...	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. - Kiểm tra và bổ sung thêm, hoặc thay nhớt mới. - Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ.

		- Bị chèn các vật lạ có kích thước lớn vào buồng bơm, trục vít.	
3	Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước.	- Ngược chiều quay. - Van đóng mở bị nghẹt, hoặc hư hỏng. - Đường ống bị tắc nghẽn. - Chưa mở van. - Rách màng bơm	- Đảo lại chiều quay. - Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. - Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. - Mở van. - Thay màng bơm khác.
4	Lưu lượng bơm bị giảm.	- Bị nghẹt rác ở cánh bơm,van, đường ống. - Mức nước bị cạn. - Nguồn điện cung cấp không đúng.	- Kiểm tra, khắc phục lại. - Tắt bơm ngay. - Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. - Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt.
5	Máy bơm làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	- Điện áp thấp dưới quy định. - Độ cách điện của bơm giảm quá quy định - Bị sự cố về cơ khí: bánh răng, vòng bi...	- Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp. - Sấy nâng cao độ cách điện. - Phát hiện chỗ hư hỏng để khắc phục.
6	Bùn quá đặc gây nên hiện tượng tắc ống nhanh chóng	- Lượng bùn tích tụ trong bể lắng đứng quá nhiều, nguyên nhân là do thời gian lưu vượt quá mức cho phép. - Lượng cặn chứa trong bùn	- Tăng số lượng chu trình bơm tháo bùn ra.
7	Bùn nổi lên bề mặt bể	- Tuyến ống tháo bùn ra bị tắc. - Van xả bùn không mở hoàn toàn (bơm bùn có sự cố). - Bùn bắt đầu phân hủy.	- Sử dụng vòi phun khí hoặc nước áp lực cao để thông tắc đường ống. - Kiểm tra và điều chỉnh trạng thái van - Tháo bùn ra thường xuyên hơn với tỷ lệ cao hơn.

Bảng 3. 10. Một số sự cố thông thường của các bể trong trạm xử lý nước thải

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Bể điều hòa		
-	Nước thải có nhiều cặn	- Song tách rác không tách được hết cặn thô.	- Vệ sinh song tách rác và xem có chỗ nào bị hỏng hay không
-	Nước thải có mùi hôi vượt quá mức mùi hôi hàng ngày	- Quá trình phân hủy yếm khí xảy ra trong ngăn tiếp nhận	Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong ngăn để tránh gây hiện tượng lắng cặn và tạo điều kiện yếm khí trong bể.
-	Tràn nước bể điều hòa	- Phao tín hiệu hỏng - Bơm bể điều hòa bị lỗi.	- Kiểm tra lại phao tín hiệu, thay phao mới nếu bị hỏng.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CÀU BƯƠU”

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
		- Đường thu gom quá tải	- Kiểm tra bơm ở bể điều hòa. - Kiểm tra đường ống thu gom và các đường nước xả thải xem có bị hở hay không.
2	Bể xử lý hiếu khí		
-	Không có khí cấp vào bể	- Hệ thống thổi khí bị kẹt - Chưa mở van điều chỉnh máy thổi khí	- Định kỳ kiểm tra vệ sinh hệ thống thổi khí - Kiểm tra lại van điều chỉnh khí ở bể.
-	Bùn bị đen và phát sinh mùi	- Bùn bị phân hủy yếm khí - Vi sinh bị chết	- Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh tạo điều kiện yếm khí trong bể. - Kiểm tra hệ thống đĩa phân phối khí, nếu màng đĩa quá dơ cần vệ sinh sạch sẽ, để tránh tắc nghẽn khí
-	Xuất hiện nhiều bọt trắng	- Quá trình bị quá tải, nồng độ chất ô nhiễm đầu vào tăng đột ngột. - Tuổi bùn thấp (thời gian lưu bùn nhỏ).	- Kiểm tra hàm lượng bùn trong bể, xem có duy trì ở nồng độ bình thường hay không - Các chỉ số ổn định nhưng vẫn diễn ra bọt khí, đồng thời bọt khí bắt nguồn từ chính thành phần ban đầu của nước thải. Với nguyên nhân này cần tiến hành sục khí để giảm bọt (thường khuấy từ 30-60 phút để đạt được giảm bọt)
-	Mất bùn hoặc bùn bị vỡ nhỏ	- Do sục khí quá mạnh - Sai quy trình vận hành hoặc mất điện...	- Kiểm tra lại toàn bộ hệ thống - Kiểm tra lại quy trình vận hành trạm xử lý nước thải
3	Bể lắng đứng		
-	Nước thải ra khỏi bể lắng có nhiều cặn	- Bể hoạt động không hiệu quả, bùn nổi nhiều trên bề mặt	- Kiểm tra chế độ phân phối nước vào - Kiểm tra hiệu quả xử lý trước đó, chuyển bùn trong bể về bể nén bùn
-	Độ đậm đặc trong bùn hồi lưu rất thấp	- Tỷ lệ bùn hồi lưu quá cao.	- Giảm tỷ lệ bùn hồi lưu
4	Bể khử trùng		
-	Nước thải vẫn còn vi khuẩn	- Tính chất nước thải đầu vào thay đổi do đó liều lượng hóa chất bình thường không đáp ứng yêu cầu xử lý.	- Cần phải kiểm tra để điều chỉnh lại liều lượng hóa chất cho phù hợp với điều kiện đầu vào.
-	Mọc tảo rêu hoặc có sinh vật phù du	- Hóa chất khử trùng	- Kiểm tra đường ống dẫn hóa chất khử trùng, máy bơm định lượng.

6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải

Tại cơ sở, khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động nấu nướng, phân hủy rác hữu cơ và phương tiện ra vào chợ. Để phòng ngừa, cần thường xuyên thu gom, phân loại và xử lý rác thải đúng quy định, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý hàng ngày. Đồng thời, tăng cường trồng cây xanh tạo vùng đệm và kiểm soát nguồn xe cơ giới gây ô nhiễm. Khi có sự cố môi trường (mùi hôi, khí độc bất thường), cần nhanh chóng xác định nguồn phát thải, khoanh vùng ảnh hưởng, tạm ngừng hoạt động khu vực có sự cố và phối hợp với cơ quan chuyên môn để xử lý kịp thời, đảm bảo an toàn môi trường và sức khỏe cộng đồng.

6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ**

- Huấn luyện PCCC cho Ban quản lý chợ và tiểu thương nhằm duy trì và tăng cường khả năng giải quyết tại chỗ các sự cố xảy ra;

- Cơ sở đã bố trí lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động, bình chữa cháy xách tay, bộ nội quy tiêu lệnh chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.... Các phương tiện được kiểm tra thường xuyên và duy trì hoạt động tốt sẵn sàng ứng phó khi có hỏa hoạn xảy ra, có biện pháp khắc phục kịp thời những sơ hở thiếu sót về PCCC.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ của Nhà nước, thực hiện đúng các quy định về vận hành, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy.

- Thường xuyên kiểm tra nhắc nhở nhân viên, tiểu thương trong thời điểm kinh doanh thực hiện nghiêm các quy định như sau:

+ Quản lý chặt chẽ hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt, việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy. Ngắt tất cả các thiết bị điện ra khỏi nguồn (tắt công tắc, cầu dao, aptomat, rút chuôi cắm ra khỏi ổ cắm điện...) trước khi ra khỏi khu vực kinh doanh.

+ Không sử dụng lửa trần như: đốt nhang, thuốc lá, đốt vàng mã... trong khu vực kinh doanh.

+ Không tự ý câu mắc các thiết bị điện để chiếu sáng, sinh hoạt, trang trí, quảng cáo... không đảm bảo an toàn về điện hoặc câu mắc quá nhiều để tránh hiện tượng quá tải gây cháy.

+ Phải bố trí, sắp xếp hàng hóa trong quầy, sạp đúng phạm vi đã quy định, không để hàng hóa tràn lan, lấn chiếm lối đi, thang bộ, không được khóa đóng chặt các cửa thoát hiểm trong thời điểm kinh doanh, đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy chữa cháy.

*** Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ**

- Khi phát hiện cháy nổ người phát hiện hô hoán để mọi người nhanh chóng thoát khỏi khu vực cháy nổ, báo ngay cho cán bộ nhân viên Ban quản lý chợ, các tiểu thương, khách hàng tại cơ sở biết bằng hệ thống đèn, còi báo cháy.

- Người gần khu vực cầu dao điện nhanh chóng ngắt nguồn điện tại khu vực bị

cháy.

- Tại vị trí xảy ra cháy nổ: thực hiện các biện pháp chữa cháy tại chỗ bằng các dụng cụ, thiết bị chữa cháy cầm tay.

- Trường hợp vượt quá khả năng tự xử lý phải liên hệ ngay tới cơ quan phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn (số khẩn cấp 114).

- Sơ cứu người bị nạn (nếu có) và gọi cho cơ quan cấp cứu y tế.

- Cơ sở đã xây dựng và lắp đặt hoàn thiện hệ thống PCCC và đã được Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Công an thành phố Hà Nội nghiệm thu tại văn bản ngày 16/9/2016 và 24/1/2017 bao gồm:

- + Đường giao thông, bãi đỗ phục vụ cho xe chữa cháy:

- ++ Phía ngoài công trình: Xung quanh công trình, đường giao thông có thể tiếp cận tới công trình bằng các hướng; chiều rộng, tải trọng và độ dốc của giao thông đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động.

- ++ Trong phạm vi công trình: Có đường nội bộ tiếp giáp với các hạng mục trong công trình;

- ++ Khoảng cách đường đến vị trí nguồn nước, hòng lấy nước, hòng tiếp nước vào hệ thống, hòng tiếp vào hòng khô đảm bảo khoảng cách theo quy định.

- + Hệ thống chữa cháy:

- ++ Trạm bơm: Bố trí 03 máy bơm (01 bơm điện chính, 01 bơm điện dự phòng và 1 máy bơm bù áp) và các thiết bị phụ trợ như tủ điều khiển bơm, van báo động, van khóa, công tắc áp lực, van báo động, đồng hồ đo áp suất,... của hệ thống dùng để cung cấp nước chữa cháy cho hòng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động và cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

- ++ Bể nước chữa cháy: Bố trí 01 bể nước cứu hoả với khối tích là 500m³ có cấp nước liên tục đảm bảo lượng bù nước khi chữa cháy.

- ++ Hệ thống chữa cháy bằng nước: Bố trí các đầu phun, van góc, vòi chữa cháy, lăng chữa cháy, hòng chữa cháy ngoài nhà, hòng chờ tiếp nước chữa cháy ngoài nhà.

- + Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu và bố trí phương tiện cứu người, dụng cụ phá dỡ thông thường:

- ++ Bình bột chữa cháy MFZ4 (Việt Nam): 81 bình.



Hình 3. 10. Một số thiết bị PCCC tại cơ sở

** Phòng ngừa, ứng phó sự cố liên quan đến chất nước ngầm*

- Thực hiện giám sát liên tục chiều sâu mực nước, lưu lượng khai thác hàng ngày.
- Thực hiện việc quan trắc định kỳ đối với chất lượng nước dưới đất
- Khai thác, vận hành công trình khai thác đúng quy trình, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Nghiêm túc thực hiện các giải pháp khắc phục, giảm thiểu tác động của công trình khai thác, sử dụng nước và thực hiện các quy định được nêu trong giấy phép khai thác sử dụng nước.

Đảm bảo khai thác đúng lưu lượng được cấp phép, định kỳ quan trắc chất lượng nguồn nước theo cam kết nêu trên.

- Thực hiện giám sát lưu lượng, chất lượng nước khai thác theo quy định tại Thông tư 47/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đảm bảo khai thác, sử dụng, vận hành công trình không làm ảnh hưởng chất lượng nước dưới đất và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do vận hành công trình khai thác, sử dụng nước gây ra.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

** Các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn kinh doanh*

Công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn kinh doanh trong khu vực chợ luôn được coi trọng. Cơ sở đã và đang duy trì thực hiện các biện pháp sau:

- Tổ chức đội bảo vệ giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ tài sản của các hộ kinh doanh và tiêu thương trong chợ.

- Phối hợp với chính quyền và công an địa phương trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

- Bố trí sắp xếp các khu vực kinh doanh chợ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn kinh doanh, vệ sinh, văn minh thương mại và phù hợp với yêu cầu thương nhân kinh doanh tại chợ.

- Xây dựng, ban hành và niêm yết nội quy về hoạt động chợ tuân thủ đúng quy tại Nghị định 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

+ Bảo vệ, giữ gìn trật tự an ninh xã hội, an ninh chính trị nghiêm cấm mọi hành vi gây rối trật tự trong phạm vi chợ. Không tổ chức, tham gia cờ bạc, đề, hui, huy động vốn trái phép, lừa đảo, bảo vệ tài sản công, tài sản cá nhân.

+ Ra vào chợ phải dừng, đậu, gửi xe và các phương tiện chuyên chở, đi lại bên ngoài chợ.

+ Giữ gìn vệ sinh chung, không vứt (xả) rác, đổ nước, chất thải bừa bãi trong chợ. Tự trang bị dụng cụ đựng rác; vật liệu thải có nắp đậy kín; Đổ rác phải đúng nơi quy định.

** Các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh*

- Bố trí, sắp xếp ngành hàng kinh doanh, điểm kinh doanh theo đúng phương án đã được phê duyệt.

- Lắp đặt biển hiệu tại các ki ốt, công khai tên hộ kinh doanh, ngành hàng kinh doanh và số điện thoại liên hệ.

- Xây dựng, ban hành và niêm yết nội quy về hoạt động chợ. Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh được đề cập trong bảng nội quy như sau:

+ Không kinh doanh hàng giả, hàng không có nguồn gốc xuất xứ, hàng quá hạn sử dụng, hàng không đảm bảo chất lượng, phải sắp xếp hàng hóa gọn gàng, ngăn nắp.

+ Giữ gìn vệ sinh chung, không vứt (xả) rác, đổ nước, chất thải bừa bãi trong chợ. Tự trang bị dụng cụ đựng rác; vật liệu thải có nắp đậy kín; Đổ rác phải đúng nơi quy định.

+ Hộ kinh doanh thực phẩm, ăn uống phải thực hiện đúng các quy định về kiểm dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm. Nơi kinh doanh phải vệ sinh và gọn đẹp.

+ Xử lý vi phạm: Thương nhân kinh doanh trong chợ vi phạm pháp luật trong phạm vi nội quy của chợ, hoặc vi phạm các quy định của chợ tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật, hoặc xử lý theo quy định nội quy của chợ theo hình thức sau:

++ Vi phạm không nghiêm trọng lần đầu lập biên bản nhắc nhở nêu tên trên phương tiện truyền thanh của chợ.

++ Vi phạm lần thứ hai không nghiêm trọng thì lập biên bản, đình chỉ kinh doanh trong 7 ngày. Vi phạm lần thứ 3 đình chỉ kinh doanh thu và hồi địa điểm kinh doanh.

++ Vi phạm nghiêm trọng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo 82 quy định của pháp luật.

- Ban quản lý chợ đã biên chế nhân viên vệ sinh môi trường tiến hành thu gom chất thải rắn 01 ngày/lần vào cuối ngày trước ô tô chở rác đến vận chuyển đi xử lý đảm bảo rác thải không để tồn đọng sang ngày hôm sau.

- Các hố ga trong khu vực này được đóng kín để tránh trường hợp ruồi muỗi đậu vào thức ăn, gây bệnh và lây bệnh cho người dân trong khu vực.

- Định kỳ phun thuốc khử trùng tại các khu vực bán hàng tươi sống, tần suất 1 tháng/lần. Đặc biệt, trong thời gian có dịch (cúm gia cầm, lợn tai xanh,...) tần suất phun thuốc khử trùng 1 tuần/lần.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Cơ sở đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 do UBND thành phố Hà Nội cấp. Cơ sở có một số thay đổi nội dung so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

Bảng 3. 8: Các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với quyết định phê duyệt ĐTM

TT	Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 17/3/2014	Theo báo cáo đề xuất cấp GPMT	Nội dung điều chỉnh theo báo cáo đề xuất cấp GPMT so với ĐTM	Lý do điều chỉnh	Văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM	Đánh giá tác động đến môi trường của việc thay đổi so với ĐTM
I	Quy mô					
I	Các hạng mục công trình chính và phụ trợ					
-	Nhà chợ chính 2 tầng: diện tích xây dựng 2.124,8m ²	Nhà chợ chính (01 tầng): diện tích xây dựng 1.810,7m ²	Điều chỉnh thiết kế nhà chợ chính từ nhà 02 tầng thành nhà 1 tầng, giảm diện tích xây dựng từ 2.124,8m ² giảm xuống 1.810,7m ²	- Điều chỉnh phương án kiến trúc nhằm phù hợp hơn với nhu cầu thực tế của người dân và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.	Do xét về mặt quy mô dự án thay đổi theo chiều hướng tích cực so với nội dung ĐTM đã được duyệt và cơ sở còn thiếu sót, chưa nắm rõ các quy định theo Luật Bảo vệ môi trường nên khi điều chỉnh quy mô dự án chủ cơ sở chưa có báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền.	Những thay đổi của cơ sở không làm tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường của cơ sở đã được phê duyệt trong báo cáo ĐTM. Bên cạnh đó, các thay đổi nêu trên đều thay
-	Kiốt 1 tầng (5 nhà): tổng diện tích xây dựng 535m ² (107m ² /nhà)	- Khối kiốt 9A (02 tầng và 01 tầng lửng): diện tích xây dựng 2.682m ² - Khối kiốt 9B (02 tầng và 01 tầng lửng): diện tích xây dựng 809m ² - Khối kiốt 9C (02 tầng và 01 tầng lửng): diện tích xây dựng 345m ²	Điều chỉnh thiết kế ki ốt 1 tầng gồm 5 dãy nhà giảm xuống còn 3 dãy (9A, 9B, 9C) diện tích xây dựng từ 535m ² tăng 3836m ²	- Căn cứ theo giấy phép xây dựng số 25/GPXD-UBND ngày 11/02/2015 và giấy phép xây dựng số 512/GPXD-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Thanh Trì cấp cho Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh được phép xây dựng các công trình thuộc dự án chợ Cầu Bươu.		

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

-	Bãi họp chợ ngoài trời: diện tích xây dựng 2.000m ²	Bãi họp chợ ngoài trời có mái che: diện tích 1200m ²	- Điều chỉnh diện tích bãi họp chợ ngoài trời từ 2000m ² giảm còn 1200m ²	- Thay đổi số hộ kinh doanh cho phù hợp với quy mô xây dựng các hạng mục công trình của cơ sở theo Quyết định số 742/QĐ-SCT ngày 19/11/2015 của Sở Công thương Phê duyệt Phương án bố trí, sắp xếp ngành hàng kinh doanh tại chợ Cầu Bươu		đổi theo chiều hướng tích cực có lợi cho môi trường (giảm lưu lượng nước thải, giảm khối lượng CTR, CTNH)
-	Nhà kho, sơ chế (1 tầng): diện tích xây dựng 368,6m ²	Nhà kho (02 tầng): diện tích xây dựng 142m ²	Điều chỉnh thiết kế từ 1 tầng thành 2 tầng, diện tích xây dựng từ 368,6m ² giảm còn 142m ²			
-	Nhà quản lý chợ 1 tầng: diện tích xây dựng 154,4m ²	Nhà điều hành (02 tầng): diện tích xây dựng 54m ²	Điều chỉnh thiết kế từ 1 tầng thành 2 tầng, diện tích xây dựng từ 154,4m ² giảm còn 54m ²			
-	Nhà WC công cộng 1 tầng: diện tích xây dựng 10,3m ²	- Khu nhà vệ sinh (01 tầng): diện tích xây dựng 65m ²	Điều chỉnh tăng diện tích xây dựng từ 10,3m ² lên 65m ²			
-	Bể phòng cháy chữa cháy: 100m ³	Bể phòng cháy chữa cháy: 500m ³	Điều chỉnh tăng thể tích bể PCCC từ 100m ³ lên 500m ³			
-	Bể chứa nước sinh hoạt: 50m ³	Bể chứa nước sinh hoạt: 100m ³	Điều chỉnh tăng thể tích bể chứa nước sinh hoạt từ 50m ³ lên 100m ³			
-	Quy mô số hộ kinh doanh: 697 hộ	Quy mô số hộ kinh doanh: 437 hộ	Giảm số hộ kinh doanh từ 697 hộ xuống còn 437 hộ.			
II	Quy mô các hạng mục công trình bảo vệ môi trường					
-	Công trình xử lý nước thải sơ bộ bao gồm: 04 bể tự hoại với tổng thể	Công trình xử lý nước thải sơ bộ bao gồm: 98 bể tự hoại tổng thể	Thay đổi thiết kế bể tự hoại riêng cho từng kiot của dãy 9A,9C, tầng tổng	- Phù hợp với quy mô giải pháp thiết kế kiến trúc của cơ sở.	Do xét về mặt quy mô các công trình bảo vệ môi trường	Thay đổi theo chiều hướng tích cực sự

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CÀU BƯƠU”

	tích là 114m ³	tích 306m ³ trong đó: 97 bể có thể tích 3m ³ /bể và 01 bể có thể tích 15m ³	thể tích bể tự hoại từ 114m ³ lên 306m ³		của dự án thay đổi theo chiều hướng tích cực so với nội dung ĐTM đã được duyệt và cơ sở còn thiếu sót, chưa nắm rõ các quy định theo Luật Bảo vệ môi trường nên khi thay đổi công suất và thay đổi một số bể của hệ thống xử lý nước thải so với nội dung ĐTM đã được duyệt nên chủ cơ sở chưa có văn bản báo cáo tới các cơ quan có thẩm quyền và chưa thực hiện xác nhận các công trình bảo vệ môi trường.	thay đổi này để phù hợp với Quy mô, giải pháp thiết kế của cơ sở
-	Công suất hệ thống XLNT 200m ³ /ngày đêm	Công suất hệ thống XLNT 70m ³ /ngày đêm	Điều chỉnh giảm công suất hệ thống XLNT	- Tại thời điểm phê duyệt báo cáo ĐTM năm 2014 dự án mới ở giai đoạn lập dự án đầu tư, nên nhu cầu sử dụng nước dự kiến dựa trên các hạng mục thiết kế cơ sở là quy mô 697 hộ. Sau khi điều chỉnh quy mô xây dựng số hộ kinh doanh giảm từ 697 hộ xuống còn 437 hộ nhu cầu sử dụng nước giảm dẫn đến lượng nước thải giảm xuống do đó công suất hệ thống XLNT giảm.	thiếu sót, chưa nắm rõ các quy định theo Luật Bảo vệ môi trường nên khi thay đổi công suất và thay đổi một số bể của hệ thống xử lý nước thải so với nội dung ĐTM đã được duyệt nên chủ cơ sở chưa có văn bản báo cáo tới các cơ quan có thẩm quyền và chưa thực hiện xác nhận các công trình	Thay đổi theo chiều hướng tích cực. Không gây ảnh hưởng đến môi trường
-	Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Song chắn rác → Bể Anoxic → Bể sinh học SBRV → Bể lọc cát → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận	- Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Hồ gom và tách rác → Bể điều hòa → Bể xử lý yếm khí → Bể Anoxic → Bể xử lý hiếu khí → Bể lắng đứng → Bể khử trùng → Thiết bị hấp phụ hóa sinh → Bể trung chuyển →	Điều chỉnh thay đổi một số bể trong hệ thống xử lý nước thải	Công nghệ sau điều chỉnh giúp tăng hiệu quả xử lý nước thải hơn: + Sử dụng nhiều giai đoạn xử lý kết hợp yếm khí – thiếu khí – hiếu khí, giúp xử lý hiệu quả các chất hữu cơ (BOD, COD), nitơ (N), photpho (P). + Có bể điều hòa giúp ổn định lưu lượng và nồng độ ô	bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, cơ sở đảm bảo xử lý nước thải đầu ra đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường, định kỳ quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý và đã gửi kết quả quan trắc đến	Thay đổi theo chiều hướng tích cực. Không gây ảnh hưởng đến môi trường

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

		Nguồn tiếp nhận.		nhiễm trước khi vào hệ xử lý chính, từ đó giảm sức tải cho hệ thống, kéo dài tuổi thọ thiết bị. +Giai đoạn khử trùng + thiết bị hấp phụ hóa sinh, giúp tiêu diệt triệt để vi sinh vật gây bệnh, giảm nguy cơ tái nhiễm môi trường.	các cơ quan có thẩm quyền.	
-	Kho chứa CTR thông thường diện tích 41m ² đặt tại phía Tây Bắc dự án	Kho chứa CTR thông thường diện tích 10m ² đặt tại phía Đông Nam dự án	Điều chỉnh thay đổi quy mô, vị trí kho chứa	Điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế: do số hộ kinh doanh giảm nên khối lượng CTR thông thường phát sinh giảm nên diện tích kho chứa giảm		Thay đổi theo chiều hướng tích cực. Không gây ảnh hưởng đến môi trường

Cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực, nội dung thay đổi trên không thuộc đối tượng lập lại báo cáo đánh giá động môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 37 của luật Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Ngoài ra, cơ sở thuộc dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 theo quy định tại Điều 37 dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do vậy, nội dung thay đổi trên chủ cơ sở thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c khoản 4 Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: Tự xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật; tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường chấp thuận những thay đổi trên trong quá trình thẩm định và cấp giấy phép môi trường cho cơ sở.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (từ các nhà vệ sinh, từ khu chợ ngoài trời). Lưu lượng xả thải tối đa 70m³/ngày đêm.
 - + Nguồn số 02: Nước thải quá trình rửa hệ thống xử lý nước dưới đất. Lưu lượng xả thải tối đa 2m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: Chủ cơ sở đề nghị cấp giấy phép cho 02 dòng nước xả thải vào môi trường, cụ thể như sau:
 - + Dòng số 1: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày đêm thoát ra mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
 - + Dòng số 2: 01 dòng nước thải từ hệ thống xử lý nước dưới đất lưu lượng 2m³/ngày đêm thoát ra mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sau xử lý của cơ sở có các chất ô nhiễm và giá trị các chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14: 2008/BTNMT cột B, K = 1,0 (áp dụng đối với diện tích sử dụng của chợ $\geq 1500 \text{ m}^2$), cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Bảng tổng hợp giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải sinh hoạt

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, hệ số K=1,0)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

- Vị trí xả nước thải: xã Hữu Hòa, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰) cụ thể như sau: X = 2318192; Y = 584201

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 72 m³/ngày.đêm
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Hoạt động của cơ sở không có nguồn phát sinh bụi, khí thải cố định với nồng độ và lưu lượng lớn tại 1 điểm xả thải cụ thể. Vấn đề môi trường không khí chính đối với chợ là do hoạt động giao thông của xe ô tô, xe gắn máy ra vào khu vực chợ... Ngoài ra, còn có các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động đun nấu tuy nhiên nguồn ô nhiễm này không đáng kể, có thể giảm thiểu được bằng các biện pháp quản lý và kỹ thuật như đã tại chương III của báo cáo nên Công ty không đề xuất nội dung cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị được lắp đặt tại trạm xử lý nước thải.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tại khu vực trạm xử lý nước thải phía Tây Nam của cơ sở. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰):

$$X = 218099; Y = 584101$$

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng 4. 2. Bảng tổng hợp giá trị giới hạn của tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

Bảng 4. 3. Bảng tổng hợp giá trị giới hạn của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường

+ Định kỳ bảo dưỡng (tra dầu mỡ, vệ sinh cánh quạt...), hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Cơ sở đã thực hiện đầy đủ các công tác bảo vệ môi trường theo quy định của nhà nước từ khi bắt đầu hình thành, xây dựng cơ sở và trong suốt quá trình hoạt động cụ thể như sau:

+ Thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Đầu tư kinh doanh khai thác chợ Cầu Bươu”, địa điểm: xã Tả Thanh Oai và xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Hà Nội, chủ dự án: Công ty cổ phần Xây dựng Hà Khánh và đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 17/3/2014.

+ Thực hiện báo cáo xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy phép xả nước thải số 257/GP-UBND ngày 18/5/2016 và giấy phép xả nước thải số 284/GP-UBND ngày 29/7/2019.

+ Thực hiện báo cáo xin cấp giấy phép khai thác nước dưới đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 04/GP-STNMT-TNN ngày 19/3/2024.

- Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền

+ Hàng năm công ty gửi Báo cáo Công tác bảo vệ môi trường tới Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Thanh Trì.

+ Hàng năm công ty gửi Báo cáo Tình hình xả nước thải (Báo cáo quan trắc chất lượng nước thải) tới Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Phòng Tài nguyên nước Hà Nội, Kể từ khi hoạt động đến nay, hàng năm, Công ty Cổ phần xây dựng Hà Khánh đều thực hiện việc quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải đúng theo quy định. Việc lấy mẫu đo đạc, phân tích mẫu được tuân thủ quy trình và quy phạm quan trắc, phân tích môi trường của tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Dưới đây là bảng tổng hợp kết quả phân tích chất lượng nước thải quan trắc định kỳ tại cơ sở trong năm 2023, 2024. Cụ thể như sau:

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 của cơ sở thì tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở như sau:

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

2.1.1. Xử lý nước thải

2.1.1.1. Các công trình xử lý nước thải

Hiện tại, Chợ Cầu Bươu đang xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải với công suất 70m³/ngày.đêm để xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, đảm bảo chất lượng nước thải sau khi qua trạm xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1).

- Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý sơ bộ → Hồ gom và tách rác → Bể điều hòa → Bể xử lý yếm khí → Bể Anoxic → Bể xử lý hiếu khí → Bể lắng đứng → Bể khử trùng → Bể trung chuyển → Nguồn tiếp nhận.

Kể từ khi đi vào hoạt động đến nay, hệ thống xử lý nước thải của cơ sở vẫn đang hoạt động bình thường và vẫn đáp ứng xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án, lưu lượng nước xả thải của dự án vẫn nằm trong giới hạn cho phép được cấp tại giấy phép xả nước thải số 284/GP-UBND ngày 29/7/2019 (lưu lượng xả thải tối đa: 72m³/ngày đêm trong đó 70m³ là nước thải sinh hoạt, 2 m³ là nước thải từ rửa hệ thống lọc giếng khoan). Căn cứ hồ sơ theo dõi hệ thống xử lý nước thải của cơ sở năm 2023 và năm 2024 thì lưu lượng nước thải của cơ sở như sau:

Bảng 5.1. Lưu lượng nước thải của cơ sở năm 2024 và 2025

STT	Tháng	Ngày xả thải nhỏ nhất ngày trong tháng (m ³ /ngày đêm)	Ngày xả thải lớn nhất ngày trong tháng (m ³ /ngày đêm)
I	Năm 2024		
1	Tháng 01/2024	12	14
2	Tháng 02/2024	11	13
3	Tháng 3/2024	11	13
4	Tháng 4/2024	12	13
5	Tháng 5/2024	12	14
6	Tháng 6/2024	13	15
7	Tháng 7/2024	11	13
8	Tháng 8/2024	11	13
9	Tháng 9/2024	11	13
10	Tháng 10/2024	10	12
11	Tháng 11/2024	11	13
12	Tháng 12/2024	10	12
II	Năm 2025		
1	Tháng 01/2024	6	11
2	Tháng 02/2024	11	14
3	Tháng 3/2024	10	12
4	Tháng 4/2024	12	13

(Nguồn: hồ sơ theo dõi hệ thống xử lý nước thải của cơ sở năm 2024 và năm 2025)

Qua bảng trên cho thấy lưu lượng nước xả thải của cơ sở nhỏ nhất là 6 m³/ngày đêm và lớn nhất là 15 m³/ngày đêm.

2.1.1.2. *Kết quả quan trắc môi trường nước thải*

*** Kết quả quan trắc nước thải năm 2023**

Thời gian quan trắc năm 2023: Ngày 23/3/2023; ngày 27/6/2023 và ngày 6/9/2023.

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2023

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Năm 2023						QCVN 14:2008/BTNMT
			Kết quả ngày 23/3/2023		Kết quả ngày 27/6/2023		Kết quả ngày 06/9/2023		
			NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	Cột B
1	pH	-	7,9	7,1	7,8	7,1	7,4	7,2	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	94	13	42	21	47	26	50
3	TSS	mg/l	71	11	97	34	104	42	100
4	TDS	mg/l	115	87	1.253	415	570	200	1.000
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S)	mg/l	4,48	0,3	1,1	0,22	1,17	0,25	4
6	NH ₄ ⁻ _N	mg/l	335	<0,3	9,21	1,33	9,31	1,42	10
7	NO ₃ ⁺ _N	mg/l	0,46	2,71	2,22	10,6	2,24	10,6	50
8	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	2,8	1	3,6	1,4	1,4	1,2	20
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	3,24	1,23	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	10
10	PO ₄ ³⁻ _P	mg/l	19,8	0,39	4,60	1,16	4,64	1,19	10
11	Coliforms	MPN/100ml	9.400	1.200	4.800	2.800	4.600	3.100	5.000

(Nguồn: các phiếu kết quả thử nghiệm nước thải năm 2023 của cơ sở)

*** Kết quả quan trắc nước thải năm 2024**

- Thời gian quan trắc: Ngày 18/5/2024; ngày 17/9/2024 và ngày 18/11/2024

- Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2024

Bảng 1.3. Kết quả quan trắc nước thải năm 2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Năm 2024						QCVN 14:2008 /BTNMT
			Kết quả ngày 18/5/2024		Kết quả ngày 17/9/2024		Kết quả ngày 18/11/2024		
			NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	Cột B
1	pH	-	7,5	7,3	7,9	7,7	5,9	7,5	5-9
2	BOD ₅	mg/l	47	26	42	18	49	24	50
3	TSS	mg/l	135	53	52	45	118	48	100
4	TDS	mg/l	601	330	2.485	876	3.099	451	1.000

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CÀU BƯƠU”

5	Sunfua	mg/l	0,98	0,19	0,89	0,15	0,88	0,15	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/l	12,4	2,51	5,04	4,49	13,3	4,76	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁺ _N)	mg/l	1,36	12,8	8,60	14,8	2,86	10,3	50
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/l	4,44	0,97	4,13	0,90	4,24	0,86	10
9	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	1,71	1,54	1,85	<1,5	1,81	1,63	20
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	<0,03	<0,03	<0,12	<0,12	<0,12	<0,12	10
11	Coliforms	MPN/100ml	4.000	2.400	3.500	2.100	3.500	1.700	5.000

(Nguồn: các phiếu kết quả thử nghiệm nước thải năm 2024 của cơ sở)

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Mẫu nước thải trước trạm xử lý

+ NT2: Mẫu nước thải sau bể khử trùng.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Nhận xét:

+ Theo các kết quả quan trắc chất lượng nước thải hàng năm của năm 2023, 2024 cho thấy: chất lượng nước thải sau xử lý tại cơ sở luôn đảm bảo chất lượng trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi xả ra môi trường. Kết quả cho thấy tại thời điểm quan trắc hệ thống xử lý nước thải của cơ sở hoạt động ổn định.

2.1.1.3. Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

Trong quá trình hoạt động hệ thống xử lý nước thải của cơ sở chưa gặp phải các sự cố gây ảnh hưởng đến môi trường.

2.1.1.4. Thời điểm thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải của cơ sở:

Thời điểm thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải của cơ sở cụ thể như sau:

- **Song chắn rác:** Vệ sinh hàng tuần.
- **Hố ga thu nước thải:** Vệ sinh hàng tuần.
- **Bể tự hoại:** Hút bùn định kỳ mỗi 6 – 12 tháng/lần.

- **Bể lắng lọc:** Kiểm tra và vệ sinh mỗi 6 tháng đến 1 năm/lần.
- **Đường ống PVC các loại:** Kiểm tra rò rỉ, tắc nghẽn 6 tháng/lần.
- **Thiết bị cơ điện (máy bơm, van...):** Bảo dưỡng kỹ thuật 3 – 6 tháng/lần.
- **Toàn bộ hệ thống xử lý:** Kiểm tra tổng thể và đánh giá hiệu suất mỗi năm 1 lần.
- **Thay thế thiết bị:** Khi có hư hỏng hoặc đã sử dụng được 5 – 10 năm tùy loại thiết bị. Kể từ khi hệ thống xử lý nước thải đi vào hoạt động chưa phải thay thế thiết bị.

2.1.1.5. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải:

+ Cơ sở đã đi vào hoạt động một thời gian và lưu lượng nước thải chỉ trong khoảng 30% công suất thiết kế. Trong thời gian tới khi các ki ốt và gian hàng được lấp đầy đi vào hoạt động ổn định thì lượng nước thải sẽ tăng lên. Tuy nhiên, khi xây dựng hệ thống xử lý nước thải đã tính toán công suất để xử lý nước thải khi tỉ lệ lấp đầy của chợ là 100%. Do đó công suất của hệ thống xử lý nước thải vẫn đáp ứng xử lý được toàn bộ lượng nước thải từ dự án.

+ Qua kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2023 và 2024 cho thấy chất lượng nước thải sau khi xử lý đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) do đó hiệu quả xử lý nước thải vẫn ổn định và đáp ứng được yêu cầu xử lý nước thải.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Cơ sở phát sinh bụi, khí thải chủ yếu từ các phương tiện lưu thông và buôn bán trong khu vực chợ; mùi từ khu vực hoạt động dịch vụ ăn uống, mùi từ khu nhà vệ sinh công cộng, khu tập kết rác. Lượng bụi và khí thải phát sinh khá nhỏ, do đó tại cơ sở không xây dựng các công trình xử lý bụi, khí thải.

Tuy nhiên, để hạn chế ảnh hưởng của bụi, khí thải đến các tiểu thương và người dân trong khu vực chợ, chủ cơ sở đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại chợ trong quá trình vận hành, đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh cơ sở cụ thể như sau:

- + Mùi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải được xử lý bởi hệ thống XLNT đặt ngầm bố trí khu vực cuối chợ.
- + Hạn chế tốc độ các phương tiện giao thông ra vào chợ.
- + Bổ sung chế phẩm vi sinh vào các bể tự hoại....
- +Tại điểm tập trung rác: sau khi rác được vận chuyển đi xử lý, nhân viên vệ sinh tiến hành dọn dẹp sạch sẽ tránh phát tán mùi.

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải của cơ sở như sau:

Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc môi trường không khí năm 2023

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả ngày 23/3/2023			Kết quả ngày 06/9/2023			QCVN 05:2023/BTNMT ⁽¹⁾
			K1	K2	K3	K1	K2	K3	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	27,2	27,3	27,6	34,5	34,9	35,1	-
2	Độ ẩm	%	62,5	62,6	62,8	67,5	66,5	65,5	-

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

3	Tốc độ gió	m/s	0,5	0,5	<0,5	0,9	1,2	1,5	-
4	Tiếng ồn	dBA	63,2	61,3	65,6	65,5	67,5	65,8	70⁽²⁾
5	TSP	µg/m ³	215	238	187	175	167	161	300
6	CO	µg/m ³	<5.100	<5.100	<5.100	17.359	23.618	20.037	30.000
7	NO ₂	µg/m ³	130	136	95,5	111	97,6	84,5	200
8	SO ₂	µg/m ³	160	143	105	148	131	121	350
9	H ₂ S	µg/m ³	18	14	20	26	22	20	42

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ K1: Tại trạm xử lý nước thải

+ K2: Tại khu tập kết rác thải

+ K3: Tại bãi đỗ xe

- Quy chuẩn so sánh:

+ (1) QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ).

+ (2) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

- Nhận xét: Theo kết quả quan trắc chất lượng không khí định kỳ tại cơ sở luôn nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Kết quả cho thấy chất lượng không khí tại cơ sở chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

*** Đối với chất thải rắn**

Để tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường của cơ sở về khu xử lý rác thải của thành phố theo đúng quy định của Thành phố Hà Nội. Công ty cổ phần xây dựng Hà Khánh đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển là Công ty cổ phần môi trường đô thị Thanh Trì theo hợp đồng về việc thu gom và vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường số 09TTO/2024-2026/HĐDV-MTĐTTT ký ngày 30/12/2023 (kèm theo biên bản xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành từng quý từ quý I năm 2024 đến hết quý I/2025)

Bảng 5.5. Khối lượng chất thải rắn phát sinh từ quý I năm 2024 đến hết quý I/2025

TT	Nhóm chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng năm 2024 (tấn/tháng)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt
1	Chất thải rắn sinh hoạt	6,5	Công ty cổ phần môi trường đô thị Thanh Trì (Theo Hợp đồng số 09TTO/2024-2026/HĐDV-MTĐTTT ngày 30/12/2023 về thu gom vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường)
Tổng khối lượng năm 2024 (tấn/năm)		78	

- **Đối với chất thải nguy hại (CTNH)**

Trong quá trình hoạt động của chợ phát sinh rất ít chất thải nguy hại như: bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì cứng thải chứa thành phần nguy hại, pin thải... với khối lượng rất ít chỉ khoảng 12kg/năm. Cơ sở đã thu gom vào các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy và dán mã CTNH cho từng loại. Bố trí kho lưu giữ tạm thời CTNH diện tích 5m² phía Đông Nam dự án và Công ty Cổ phần xây dựng Hà Khánh ký hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý CTNH với đơn vị có chức năng sẽ thu gom, vận chuyển xử lý khi đủ khối lượng.

5.Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Cơ sở luôn hoàn thành và chấp hành tốt theo các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường. Trong 2 năm gần đây không có đợt thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại cơ sở.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã đi vào hoạt động kinh doanh cùng với công trình trạm xử lý nước thải có công suất 70m³/ngày đêm đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 284/GP-UBND ngày 29/7/2019, công suất 70m³/ngày đêm.

Theo điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở không thuộc trường hợp thực hiện nội dung này. Do đó cơ sở không tiến hành vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở đã đi vào hoạt động từ năm 2016, cơ sở đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 284/GP-UBND ngày 29/7/2019, công suất 70m³/ngày đêm. Định kỳ 3 tháng một lần, cơ sở đã tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải đầu ra để đánh giá chất lượng nước thải và hiệu quả xử lý của các công trình. Chất lượng nước thải đầu ra tại các đợt quan trắc định kỳ đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B): quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo quy định tại Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 và phụ lục II của Nghị định 05/2025/NĐCP ngày 6/01/2025 dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải của cơ sở là 70m³/ ngày đêm nhỏ hơn 500m³/ ngày đêm vì thế cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải. Tuy nhiên, để theo dõi hoạt động, hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải và phục vụ công tác quan trắc môi trường định kỳ, cơ sở cam kết thực hiện công tác quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải như sau:

- + Vị trí giám sát: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý (sau bể khử trùng)
- + Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

Tuy nhiên theo điểm b, khoản 3, điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường cơ sở thuộc đối tượng quan trắc nước thải 06 tháng/lần. Vì vậy chủ cơ sở xin điều chỉnh tần suất quan trắc nước thải từ 03 tháng/lần sang 06 tháng/lần, chương trình quan trắc chất thải định kỳ của cơ sở như sau:

- + Quy chuẩn so sánh và thông số giám sát: Thông số và giá trị của các thông số trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K =1 với các chỉ tiêu quan trắc như sau:

Bảng 6.1. Vị trí, chỉ tiêu quan trắc môi trường định kỳ

Vị trí	Chỉ tiêu	Quy chuẩn	Tần suất
Nước thải sau xử lý, (sau khử trùng tại bể trung chuyển nước thải)	pH; BOD ₅ (20 ⁰ C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H ₂ S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.	QCVN 14:2008/BTN MT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt	6 tháng/lần
	Lưu lượng		hàng ngày

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo Mục 2 Điều 97 và Mục 2, 3 Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động và quan trắc định kỳ đối với nước thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Cơ sở không thực hiện nội dung này.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự trù kinh phí thực hiện quan trắc môi trường của cơ sở hàng năm: 8.818.534 triệu đồng.

Kinh phí giám sát tính theo đơn giá quan trắc thành phố Hà Nội: Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02/03/2017 về việc ban hành bộ quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá quan trắc, phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kinh phí giám sát môi trường được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 6.2. Đơn giá và Dự trù kinh phí quan trắc môi trường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số mẫu	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	Giai đoạn vận hành				8.818.534
1	pH	Mẫu	2	70.442	140.884
2	BOD ₅	Mẫu	2	282.126	564.252
3	TSS	Mẫu	2	216.949	433.898
4	TDS	Mẫu	2	86.608	173.216
5	Sunfua	Mẫu	2	533.140	1.066.280
6	NH ₄ ⁺	Mẫu	2	356.584	713.168

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “CHỢ CẦU BƯƠU”

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số mẫu	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
7	NO ₃ ⁻	Mẫu	2	273.756	547.512
8	Dầu mỡ động, thực vật	Mẫu	2	629.525	1.259.050
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mẫu	2	828.268	1.656.536
10	PO ₄ ³⁻	Mẫu	2	313.797	627.594
11	Coliform	Mẫu	2	818.072	1.636.144

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu, tài liệu đưa ra trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở cam kết thực hiện các quy định chung về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Cam kết tuân thủ Luật bảo vệ môi trường và các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường.

- Cam kết thu gom, xử lý nước thải phát sinh tại cơ sở đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra ngoài môi trường theo QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B, K=1,0) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cam kết thực hiện thu gom, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đối với tiếng ồn và rung đảm bảo tiêu chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Và các tiêu chuẩn có liên quan khác theo quy định hiện hành:

- Cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về kinh doanh chợ, an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Trong quá trình hoạt động của cơ sở nếu có xảy ra sự cố, rủi ro môi trường chủ cơ sở cam kết sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường gây ra theo đúng quy định.

- Đảm bảo vận hành liên tục, đúng quy trình và hiệu quả các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Cam kết thực hiện đúng nội dung Giấy phép. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

I. Văn bản pháp lý:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần;
2. Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Chợ Cầu Brou, huyện Thanh Trì;
3. Hợp đồng thuê đất kèm trích lục bản đồ;
4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
5. Quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường của dự án;
6. Giấy phép xây dựng;
7. Quyết định phê duyệt phương án bố trí, sắp xếp ngành hàng kinh doanh.
8. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;
9. Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất;
10. Biên bản kiểm tra và nghiệm thu về PCCC
11. Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa HTXL vào hoạt động
12. Hợp đồng mua bán điện + hoá đơn sử dụng điện
13. Hợp đồng thu gom, vận chuyển CTR thông thường + biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành
14. Văn bản xin thoát nước của dự án
15. Sổ đo lưu lượng nước giếng khoan tại cơ sở năm 2024, 2025.
16. Hồ sơ theo dõi hệ thống xử lý nước thải tại cơ sở chợ Cầu Brou năm 2023, 2024.
17. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ tại cơ sở năm 2023-2025

II. Bản vẽ

1. Bản vẽ thu gom, thoát nước của cơ sở
2. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải.